

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK, L=Buôn Ma Thuột,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐẮK LẮK, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 6000177738
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.10 16:50:53+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk** **Năm báo cáo: 2024**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk (Daklak Tourist Joint Stock).**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **6000177738** (Cấp lần đầu số: 4003000058 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 31/03/2005; thay đổi lần thứ 13 ngày 19/12/2024).
- **Vốn điều lệ:** 93.074.150.000 VND;
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 93.074.150.000 VND;
- **Địa chỉ:** 03 Phan Chu Trinh, P. Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- **Số điện thoại:** (084) 262 3852 322 - **Số fax:** (084) 262 3842 115
- **Website:** <http://www.daklaktourist.com.vn>
- **Mã cổ phiếu:** DLD

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 21/02/2005 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp. Giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000058 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp ngày 31/03/2005. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Thay đổi lần thứ I vào ngày 21 tháng 04 năm 2006;
- Thay đổi lần thứ II vào ngày 21 tháng 12 năm 2009;
- Thay đổi lần thứ III vào ngày 22/04/2010 số 6000177738;
- Thay đổi lần thứ IV vào ngày 05 tháng 06 năm 2012;
- Thay đổi lần thứ V vào ngày 16 tháng 09 năm 2013;
- Thay đổi lần thứ VI vào ngày 29 tháng 04 năm 2014;
- Thay đổi lần thứ VII vào ngày 07 tháng 03 năm 2017;
- Thay đổi lần thứ VIII vào ngày 20 tháng 03 năm 2017
- Thay đổi lần thứ IX vào ngày 12 tháng 07 năm 2018;
- Thay đổi lần thứ X vào ngày 26 tháng 08 năm 2019;
- Thay đổi lần thứ XI vào ngày 22 tháng 11 năm 2022;
- Thay đổi lần thứ XII vào ngày 16 tháng 04 năm 2024 ;
- Thay đổi lần thứ XIII vào ngày 19 tháng 12 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 03 Phan Chu Trinh, phường Tân Tiến, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê : 03 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột
- Khách sạn Cao Nguyên : 65 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột
- Khách sạn Thành Công : 51 Lý Thường Kiệt, TP. Buôn Ma Thuột
- Khu Du lịch Hồ Lắk : Buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, Huyện Lắk
- Nhà hàng Thắng Lợi - Công viên nước : Km 4, Quốc lộ 14, TP. Buôn Ma Thuột

- Quá trình tăng vốn điều lệ:

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk khi mới thành lập có vốn điều lệ là 22.571.420.000 đồng, vốn điều lệ hiện nay là 93.074.150.000. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

• **Năm 2005:** Vốn Điều lệ là 22.571.420.000 đồng (theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 40.03.000058 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/03/2005).

• **Năm 2006:** Vốn điều lệ Công ty tăng thêm 67.714.260.000 đồng. Theo Nghị quyết ĐHCĐ bất thường thông qua ngày 30/11/2006, Công ty phát hành thêm 6.771.426 cổ phần (tương đương 67.714.260.000 đồng) cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3:1; giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phần phát hành thêm được phân phối qua nhiều giai đoạn như sau:

• **Năm 2008:** Vốn Điều lệ Công ty tăng thêm 2.593.950.000 đồng. Vốn Điều lệ Công ty tăng thêm 2.593.950.000 đồng từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn từ năm 2005 đến năm 2007. (Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 26 tháng 09 năm 2008). Số lượng cổ phần tăng thêm được phân phối cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỉ lệ cổ phần đang sở hữu.

• **Năm 2009:** Vốn Điều lệ Công ty tăng thêm 194.520.000 đồng. Vốn Điều lệ Công ty tăng thêm 194.520.000 đồng từ nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn năm 2008 (Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 25 tháng 03 năm 2009). Số lượng cổ phần tăng thêm được phân phối cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phần đang sở hữu.

• **Năm 2010:** Đến ngày 31 tháng 03 năm 2010 Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ lên 93.074.150.000 đồng.

- Các sự kiện khác:

• Công ty đã duy trì tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 với mục tiêu “Uy tín - chất lượng - hiệu quả”;

• Hệ thống nhận diện thương hiệu riêng của Công ty đã được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam đăng ký bảo hộ theo quy định;

• Bổ nhiệm mới một số chức danh quản lý trong Công ty và thực hiện luân chuyển cán bộ theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;

• Phối hợp với bên Công ty tư vấn đã hoàn thành việc đăng ký lưu ký cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UpCom) theo Giấy chứng nhận số 12/GCN-SGDHN ngày 19/01/2011 với mã chứng khoán là DLD vào thứ 6, ngày 08 tháng 04 năm 2011 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường.

• Ngày 16 tháng 05 năm 2012, Công ty chính thức mở cửa đưa vào khai thác kinh doanh khách sạn 4 sao Sài Gòn - Ban Mê tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành, nghề kinh doanh:

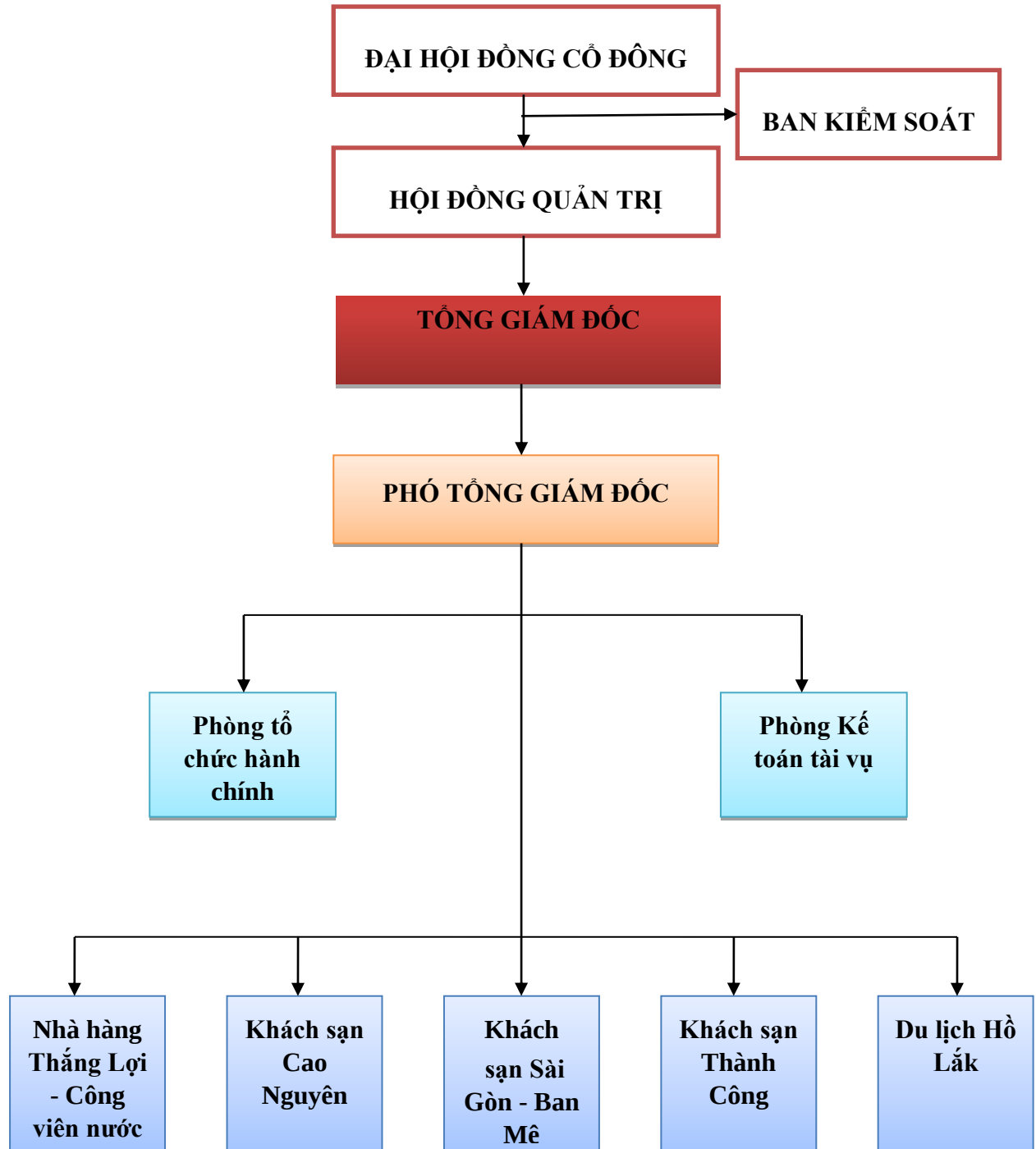
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay	5229
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống.	5610
5	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp	9610
6	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh vũ trường (dancing), phòng karaoke	9329
7	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, công viên nước	9311
8	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Hướng dẫn, kinh doanh vận tải khách bằng ô tô theo hợp đồng	4932
9	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa	7912
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán phân bón	4669
11	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (bia, rượu, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, hàng hải sản đông lạnh.	4632
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất	4663
13	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông sản	4620
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

- **Địa bàn kinh doanh:** Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:** Mô hình quản trị của Công ty tuân theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niên yết trên thị trường chứng khoán.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



- **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty. Có quyền quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở Đại hội cổ đông thông qua. Đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành; các Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng. Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó, cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác.

- **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán thống kê và lập báo tài chính, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng.

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng giám đốc.

- **Phòng Kế toán - Tài vụ:**

Là phòng chức năng tham mưu tổng hợp về công tác kế toán Doanh nghiệp, phân tích tài chính, phân tích các nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng tích cực, tiêu cực ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tổ chức quản lý vốn mang lại hiệu quả, xác định nhu cầu vốn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh trong từng thời điểm, thực hiện đúng đắn chế độ tài chính hiện hành. Cơ cấu gồm 07 nhân sự: 01 Kế toán Trưởng kiêm Trưởng phòng, 01 Phó phòng và 05 kế toán viên.

- **Phòng tổ chức hành chính:**

Là phòng chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ và quản lý hành chính, quản trị mạng thông tin nội bộ trong toàn công ty. Cơ cấu gồm 05 nhân sự: 01 Trưởng phòng, 01 Phó phòng, 02 nhân viên và 01 lái xe.

- **Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê:**

Tọa lạc tại số 01-03 Phan Chu Trinh, P. Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột. Khách sạn cao 17 tầng, với 131 phòng ngủ đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao: 01 phòng hội nghị lớn sức chứa 400 khách, 01 phòng họp VIP sức chứa 100 khách. Nhà hàng tiệc cưới bao gồm 2 sảnh; Sảnh lớn có sức chứa từ 450 đến 750 khách, sảnh nhỏ có sức chứa từ 300 - 450 khách và một số dịch vụ giải trí gồm massage & sauna với 27 phòng massage VIP, phòng Gym, hồ bơi...v.v. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2024: 72 người (72 dài hạn) có 01 Giám đốc

• **Khách sạn Cao Nguyên:**

Khách sạn 2 sao, có 35 phòng ngủ, nhà hàng 300 chỗ, dịch vụ Massage. Toạ lạc tại 65 Phan Chu Trinh, phường Thành Công, Tp. Buôn Ma Thuột. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2024: 28 người (28 dài hạn) trong đó có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

• **Nhà hàng Thắng Lợi - Công viên nước Daklak:**

Tổ chức các loại hình trò chơi (đặc biệt là trò chơi dưới nước), nhà hàng ẩm thực, quầy bán hàng lưu niệm, nhà hàng 1000 chỗ. Toạ lạc tại km 4 số 11 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2024: 26 người (26 dài hạn) trong đó có 01 Giám đốc

• **Khách sạn Thành Công:**

Khách sạn có 31 phòng ngủ. Toạ lạc tại số 51 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột. Tổng số lao động có mặt đến ngày 31/12/2024: 09 người (09 người dài hạn) trong đó có 01 Giám đốc.

• **Du lịch Hồ Lắk:**

Nhà nghỉ Vua Bảo Đại 6 phòng ngủ, Khu resort 32 phòng ngủ, nhà dài dân tộc (02 nhà) khách ngủ 40 người, nhà hàng 300 chỗ ngồi, dịch vụ cưỡi voi, thuyền độc mộc, văn nghệ công chiêng rệu cần, lửa trại.... Toạ lạc tại Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Tổng số lao động có mặt đến 31/12/2024: 18 người (18 người dài hạn) trong đó có 01 Giám đốc.

- **Các công ty con, công ty liên kết:**

• **Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên**

Địa chỉ	Km7 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát
Số lượng cổ phần	18.351 cổ phần
Mệnh giá 1 cổ phần	10.000 đ/CP
Tỷ lệ vốn góp	0,46%
Giá trị cổ phần	183.510.000 đồng

5. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

• Đầu tư mua sắm mới các trang thiết bị thay thế cho các đơn vị trong hệ thống Công ty nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

• Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm đã đề ra như: Doanh thu - Lợi nhuận - Nộp ngân sách và thu nhập của người lao động.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Quy hoạch thiết kế xây dựng: Khu Lăk Resort hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn du lịch cao cấp theo định hướng du lịch sinh thái - Nghỉ dưỡng - Văn hóa - Mạo hiểm thể thao.
- Cải tạo hoặc xây dựng lại quy mô Khách sạn Cao Nguyên đạt tiêu chuẩn 4 sao.
- Đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ lữ hành - hoàn thiện và nâng cao chất lượng phục vụ các dịch vụ du lịch: Lưu trú- Ẩm thực - dã ngoại - Cưỡi voi - Thuyền độc mộc - Văn nghệ công chiêng.
- Khai thác khách địa phương đi du lịch nước ngoài.
- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**
- Đối với môi trường: Đảm bảo thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường theo pháp luật của Nhà nước Việt Nam và quy định quốc tế.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Thực hiện tốt công tác an ninh xã hội đem lại lợi ích thiết thực không những cho công ty mà cả cộng đồng và xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu và giá cổ phiếu.

- Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức rất thấp.

- Rủi ro về giá nguyên vật liệu, hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu, hàng hóa và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư vào cổ phiếu nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Do đó, Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh do một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm số dư tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

- Phải thu khách hàng

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

- Số dư tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn (Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh Đắk Lắk). Rủi ro tín dụng đối với các số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với số dư tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 của Báo cáo tài chính năm 2024. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

- Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Tổng doanh thu thực hiện	:	46.168.815.771 đ
- Trong đó: - Giá vốn bán hàng	:	38.984.956.129đ
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	:	7.183.859.642đ
- Tiền lãi vay ngân hàng năm 2024	:	7.724.835.864đ
- Lợi nhuận trước thuế năm 2024	:	(10.461.868.417)đ
- Thuế TNDN phải nộp 2024	:	2.951.286 đ
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	(10.461.868.417)đ
- Tổng số phải nộp ngân sách	:	5.170.236.366đ
- Tổng quỹ lương thực hiện	:	11.883.670.000đ
- Số lao động bình quân năm 2024	:	177 người
- Lương lao động bình quân năm 2024	:	5.595.000 đ
- Phụ cấp HĐQT - BKS năm 2024	:	331.680.000đ

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2024 của toàn Công ty thực hiện được 46.168.815.771 đồng (đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác) so với kế hoạch đề ra là 58.404.129.000 đồng, chỉ hoàn thành được 79 % kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 46.837.721.303 đồng, giảm 1%, với số tiền doanh thu giảm 440.100.937 đồng.

Tình hình kinh doanh năm 2024 doanh thu giảm 1% so với năm 2023 với mức lỗ tăng hơn so với năm 2023 là 23% tương đương số tiền lỗ tăng 1.985.181.902 đồng

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi ở hiện nay	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Trình độ Chuyên môn	Chức vụ
1	Trương Đức Hùng	1970	Nam	TP. HCM	50,8% (Đại diện TCT Du lịch Sài Gòn)	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	CT HĐQT GD P,KD&TT TCT Du Lịch Sài Gòn
2	Nguyễn Kim Châu	1959	Nam	285/74A CMT8, P.12, Q.10, Tp.HCM	0,00% (Đại diện TCT Du lịch Sài Gòn)	ĐH TC Kế toán	TV HĐQT PGĐ Nhân sự TCT DLSG
3	Nguyễn Anh Tuấn	1976	Nam	Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh	0,00%	Cử nhân Luật, Cử nhân Anh văn	TV HĐQT

					(Đại diện TCT Du lịch Sài Gòn)		
4	Phạm Thành Đô	1978	Nam	Phòng 2301, tòa nhà Golden Westlake,151 Thụy Khê, Hà Nội	Đại diện nhóm cổ đông lớn	Đại học QTKD Thạc sỹ Chuyên ngành Tài chính	TV HĐQT
5	Nguyễn Hữu Phúc	1977	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Đại diện nhóm cổ đông lớn	Thạc sỹ QTKD	TV HĐQT

- Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi ở hiện nay	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Trình độ Chuyên môn	Chức vụ
1	Nguyễn Quốc Tuệ	1979	Nam	P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp.HCM	(Đại diện TCT Du lịch Sài Gòn)	Thạc sỹ QTDL Khách sạn Quốc tế	Trưởng BKS P.GĐTC Tổng Cty DL Sài Gòn
2	Nguyễn Thanh Hằng	1985	Nữ	P1401-C2, Ngõ 212 Nghị Tầm, Tây Hồ, Hà Nội	0,00%	Thạc sỹ QTKD	TV Ban kiểm soát
3	Hoàng Vân Thuý	1975	Nữ	05 Lê Quang Sung, P. Tân Lợi, BMT	0,00%	Cử nhân Kế toán	TV Ban kiểm soát

- Ban điều hành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi ở hiện nay	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Trình độ Chuyên môn	Chức vụ
1	Lê Ngọc Luân	1975	Nam	319/26 Tân Phước, P.6, Q.11, TP HCM	0%	Đại học Quản trị Du lịch - Khách sạn	TGĐ
2	Nguyễn Anh Tuấn	1976	Nam	Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh	0%	Cử nhân Luật, Cử nhân Anh văn	TGĐ
3	Trần Thái Hung	1975	Nam	575/31/8 CMT 8,	0,00%	Cử nhân Kinh tế	P. TGĐ

				p15, q10, TP.HCM			
4	Nguyễn Thị Sáu	1969	Nữ	Nghệ An 134 Lê Thánh Tôn, Tp.BMT	0,11%	Đại học kinh tế	Thư ký HĐQT Kế toán trưởng

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
• Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch	18/06/2022	-
• Ông Nguyễn Kim Châu	Thành viên	18/06/2022	-
• Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	18/06/2022	-
• Ông Phạm Thành Đô	Thành viên	18/06/2022	-
• Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	18/06/2022	-

- Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
• Ông Nguyễn Quốc Tuệ	Trưởng ban	18/06/2022	-
• Bà Nguyễn Thanh Hằng	Thành viên	18/06/2022	-
• Bà Hoàng Vân Thuỳ	Thành viên	18/06/2022	-

- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
• Lê Ngọc Luân	Tổng Giám đốc	10/04/2024	
• Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	01/07/2018	03/01/2024
• Ông Trần Thái Hưng	P. Tổng Giám đốc	21/03/2023	18/06/2024
• Bà Nguyễn Thị Sáu	Kế toán trưởng	26/04/2017	-

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

2.3.1. Tổng số cán bộ nhân viên:

- Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2024 là 174 người. Trong đó, Nhân viên quản lý là 11 người (Bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng).

2.3.2. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần, các nhân

viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, tại các đơn vị của Công ty được tổ chức làm việc theo ca, nhưng vẫn đảm bảo tuần làm việc 44 giờ.

- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty, được cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Nhân viên được nghỉ lễ, tết... theo quy định của bộ Luật lao động.

- Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động ốm đau, thai sản (có giấy xác nhận của cơ sở y tế) được nghỉ ngơi và được thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm hiện hành.

- Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

- Trang bị trang phục, đồng phục, phương tiện lao động cho CBCNV.

- Chi tiền ăn tiền ăn ca hàng tháng cho cán bộ công nhân viên, với mức chi 700.000 đồng/người/tháng.

- Chi tiền hỗ trợ xăng xe hàng tháng cho Cán bộ công nhân viên, với mức chi 500.000 đồng/người/tháng.

- Ngoài ra, công tác an toàn - vệ sinh lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững tầm quan trọng của công tác an toàn - vệ sinh lao động.

- Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

- **Chính sách tuyển dụng, đào tạo.**

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ kinh doanh.

- Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ giữa vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện, đào tạo nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty có tổ chức cho cán bộ quản lý theo học các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn theo yêu cầu của công tác tổ chức quản lý, kinh doanh tại Công ty và đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi.

- Chính sách lương: Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

- Tuỳ thuộc vào đặc điểm của từng đơn vị Công ty giao đơn giá tiền lương và đưa ra các phương án trả lương khác nhau như: Lương cố định theo chức danh có trách nhiệm, lương kinh doanh với mục tiêu thu hút nhân tài, khuyến khích người tài, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

- Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương của nhà nước và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc.

- Phúc lợi: Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, Du lịch, duy trì thường xuyên phong trào Văn - Thể - Mỹ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án xây dựng Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê đã hoàn thành và đưa vào hoạt động kinh doanh vào tháng 5 năm 2012.

- Nhà hàng tiệc cưới 700 chỗ tại Công viên nước đã khẳng định được vị thế - thương hiệu - Uy tín trên thị trường.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty Cổ phần TM Sabeco Tây Nguyên:

- Ngành nghề hoạt động: Kinh doanh bia, rượu, nước giải khát.

- Tình hình tài chính Công ty năm 2024:

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	CUỐI KỲ	ĐẦU KỲ
A	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
I	Tài sản ngắn hạn	100 BCĐKT	188.534.906.954	190.689.796.074
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 BCĐKT	37.214.799.775	23.1447.771.814
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 BCĐKT	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130 BCĐKT	127.551.496.891	130.108.925.153
4	Hàng tồn kho	140 BCĐKT	22.451.142.801	36.210.998.937

5	Tài sản ngắn hạn khác	150 BCĐKT	1.317.467.487	1.225.100.170
II	Tài sản dài hạn	200 BCĐKT	22.677.182.423	25.157.873.781
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 BCĐKT	206.100.000	44.100.000
2	Tài sản cố định	220 BCĐKT	7.479.475.334	9.657.073.079
	- Tài sản cố định hữu hình	221 BCĐKT	2.993.291.395	4.887.579.536
	- Tài sản cố định vô hình	227 BCĐKT	4.486.183.939	4.769.493.543
3	Bất động sản đầu tư	230 BCĐKT	11.420.030.552	11.516.360.588
4	Tài sản dở dang dài hạn	240 BCĐKT	963.809.411	55.618.182
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250 BCĐKT	750.000.000	750.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	260 BCĐKT	1.857.767.126	3.134.721.932
	TỔNG TÀI SẢN	270 BCĐKT	211.212.089.377	250.482.744.678
III	Nợ phải trả	300 BCĐKT	112.759.634.447	114.002.251.266
1	Nợ ngắn hạn	310 BCĐKT	111.345.379.597	112.599.725.103
2	Nợ dài hạn	330 BCĐKT	1.414.254.850	1.402.526.163
IV	Vốn sở hữu	400 BCĐKT	98.452.545.930	101.845.418.589
1	Vốn chủ sở hữu	410 BCĐKT	98.452.454.930	101.845.418.589
	- Vốn góp của chủ sở hữu	411 BCĐKT	39.761.600.000	39.761.600.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	418 BCĐKT	14.492.974.563	14.492.974.563
2	Lợi nhuận chưa phân phối	421 BCĐKT	44.197.8801.367	47.590.844.026
	TỔNG NGUỒN VỐN	440 BCĐKT	211.212.089.377	250.482.744.678
B	KẾT QUẢ KINH DOANH			
1	Tổng doanh thu	01+21+31 KQKD	2.819.078.494.697	2.882.811.347.218
2	Lợi nhuận trước thuế	50 BCKQKD	62.569.462.394	65.877.124.692
3	Lợi nhuận sau thuế	60 BCKQKD	48.407.290.999	51.800.844.026

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

(Giá trị sổ sách tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	119.493.287.528	116.394.316.854	-3%
Doanh thu thuần	44.379.518.832	46.168.815.771	4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10.240.764.389)	(9.313.860.540)	-9%
Lợi nhuận khác	1.764.077.874	(1.148.007.877)	-165%

Lợi nhuận trước thuế	(8.476.686.515)	(10.461.868.417)	23%
Lợi nhuận sau thuế	(8.476.686.515)	(10.461.868.417)	23%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(911)	(1.124)	23%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,05 0,04	0,04 0,03	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,8 5,9	0,94 16,52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	43,0 0,3	53,17 0,40	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	(0,19) (0,4) (0,07) (0,2)	(0,23) (1,57) (0,09) (0,2)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần: số lượng cổ phần : 93.974.150 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

5.2.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2024:

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị	Tỷ lệ
1	Tổng Cty Du lịch Sài Gòn	1	4.729.401	47.294.010.000	50,81%
2	Tổng Cty Bến Thành	1	740.856	7.408.560.000	7,96%

3	Công ty TNHH Quốc tế DP	1	842.000	8.420.000.000	9,05%
4	Cty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh	1	800.000	8.000.000.000	8,60%
2	Đỗ Văn Anh	1	781.410	7.814.100.000	8,40%
5	Cổ đông trong Công ty	5	13661	136.610.000	0,15%
6	Cổ đông ngoài Công ty	125	1.400.087	14.000.870.000	15,04%
	Tổng cộng	133	9.307.415	93.074.150.000	100,00%

5.2.2. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

❖ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn:

- Địa chỉ: 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận I, TP. Hồ Chí Minh
- Ngành nghề hoạt động:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (kể cả dịch vụ quản lý thuê khách sạn, nhà hàng, cơ sở lưu hành, khu nghỉ dưỡng), tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;

- Dịch vụ vũ trường, sauna-massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty, cắt tóc, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài gòn, giặt ủi, wash hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;

- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;

- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách Sạn Cửu Long, Quận 1 và Khách Sạn Đồng Khởi, Quận 1, Khách Sạn Rex, Q.1 và Khách Sạn Đệ Nhất, Q. Tân Bình) thuộc hệ thống Khách Sạn của Tổng Công Ty.

- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: Thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;

- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh taxi;
- Dịch vụ quảng cáo trưng bày giới thiệu hàng hóa;

- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
 - Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
 - Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
 - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
 - Kinh doanh địa ốc - Dịch vụ nhà đất;
 - Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng (chỉ thực hiện với các dự án, công trình đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
 - Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
 - Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
 - Sản xuất nước đá - Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mì, Bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
 - Sản xuất nước tinh khiết;
 - Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
 - Thiết kế thi công, sửa chữa trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
 - Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất (các hóa chất sử dụng cho công nghiệp giặt ủi, tẩy rửa hồ bơi trong khách sạn, các hóa chất dùng trong công nghiệp chế biến cao su);
 - Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
 - Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điếu sản xuất trong nước;
 - Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
 - Bổ sung: đại lý bảo hiểm;
 - Đại lý bán vé tàu hỏa;
 - Số lượng cổ phần sở hữu : 4.729.401 cổ phần
 - Tỷ lệ cổ phần sở hữu : 50,80%
- ❖ **Tổng Công ty Bến Thành:**
- Địa chỉ: 27 Nguyễn Trung Trực, Quận I, TP Hồ Chí Minh.
 - Ngành nghề hoạt động:

- Mua bán: nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp, hàng công nghiệp, máy móc thiết bị và phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

- Nguyên phụ liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, quần áo, mỹ phẩm, hương liệu, ô tô, xe gắn máy và phụ tùng các loại.

- Nữ trang, vàng bạc, đá quý, gas, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và linh kiện phụ tùng, hàng kim khí điện máy, điện, điện tử, thiết bị viễn thông, rượu, bia, nước giải khát.

- Dịch vụ: Du lịch lữ hành quốc tế và nội địa, Khách Sạn, ăn uống, vũ trường, vui chơi giải trí, vận chuyển khách trong và ngoài nước, vận tải hàng hóa đường bộ, khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa, kiều hối; cho thuê nhà, xưởng, văn phòng, căn hộ, kho bãi (chỉ thực hiện khi có dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt), thiết kế tạo mẫu, tin học, mạng internet, photocopy, sửa chữa bảo trì máy vi tính, thiết bị viễn thông, ô tô, xe gắn máy;

- Xuất khẩu lao động, đại lý bảo hiểm, tư vấn, thiết kế, thi công các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, nhà xưởng, kho bến bãi, dịch vụ khu công nghiệp và cảng;

- Sản xuất, gia công: Các sản phẩm cơ khí, phụ tùng xe, giày da, sản phẩm may, thêu, đan, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm gỗ, bao bì giấy, in ấn, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, băng đĩa được phép lưu hành, phần mềm tin học, sản phẩm điện, điện tử, bản mạch âm thanh, bản mạch điều, dây tín hiệu, sản xuất lắp ráp máy vi tính, loa máy vi tính, chế biến lương thực, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, lắp ráp xe các loại, chiết nạp gas;

- Đại lý ký gởi hàng hóa, dịch vụ, hoa tươi, đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác; Bổ sung: Karaoke (hoạt động tại Nhà hàng Maxim's, số 13 – 15 - 17 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận I- TP Hồ Chí Minh.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 740.856 cổ phần

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu : 7,96%

❖ Công ty TNHH Quốc tế DP: Cổ đông lớn.

- Địa chỉ: Hà Nội.

- Cổ đông lớn cá nhân.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 842.000 cổ phần

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu : 9,0%

❖ Bà Đỗ Vân Anh: Cổ đông lớn.

- Địa chỉ: phòng 1401, tòa nhà Deaha, 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

- Cổ đông lớn cá nhân.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 781.410 cổ phần

- Tỷ lệ cổ phần sở hữu : 8,4%

❖ Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh: Cổ đông lớn

- Địa chỉ: Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
- Cổ đông cá nhân.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 800.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần sở hữu : 8,6%

5.2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:

Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập:

STT	Họ tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp/ngành nghề hoạt động	Tỷ lệ sở hữu ban đầu (%)	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2024 (%)
1	Cổ đông nhà nước (TCT đầu tư và KD vốn nhà nước)		Số 15A Trần Khánh Dư – Hà Nội	(đã trình bày ở phần II mục 5.2.2)	81,16	0%
2	Lê Trung Châu	1954	Số 52 Đào Tấn, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý doanh nghiệp	1,86	0,05%
3	Nguyễn Danh Ngọc	1962	Số 09 Trần Cao Vân, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý doanh nghiệp	1,14	0
4	Nguyễn Thị Sáu	1969	Số 134 Lê Thánh Tông, TP. Buôn Ma Thuột	Kế toán	1,02	0,107
5	Trần Duy Khương An	1958	Số 82 Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý lữ hành	1,77	0,42
6	Dương Ngọc Trục	1957	Số 134 Nguyễn Công Trứ, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý khách sạn	1,52	0
7	Nguyễn Khắc Long	1957	Số 10 Đinh Tiên Hoàng, TP. BMT	Quản lý Nhà hàng	3,79	0
8	Nguyễn Ngọc Lợi	1960	Số 14/2 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý Công viên nước	2,14	0,21
9	Hoàng Đình Chương	1963	Số 09 Bà Triệu, TP. Buôn Ma Thuột	Quản lý doanh nghiệp tư nhân	1,01	0
10	Trần Tấn Hiền	1957	Số 46 Nguyễn Hồng Đào, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Kiến trúc sư	2,03	0
11	Võ Văn Châu	1953	18/4 Thích Quảng Đức, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Cố vấn cho Ngân hàng Đại Tín	2,54	0

5.3. Cổ đông/ thành viên góp vốn nước ngoài: Không có cổ đông nước ngoài.

5.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

5.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.6. Các chứng khoán khác: Không có.**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:****6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đặc điểm tình hình:

Thuận lợi:

Năm 2024, Đắk Lắk đã tổ chức liên hoan văn hóa Cồng chiêng tỉnh Đắk Lắk lần thứ 3 với chủ đề “Âm vang đại ngàn” nhằm để chào mừng kỷ niệm 120 năm ngày thành lập tỉnh Đắk Lắk (22/11/1904 – 22/11/2024). Chương trình biểu diễn Văn hóa Cồng chiêng “Âm vang đại ngàn” phục vụ Nhân dân và du khách được tổ chức định kỳ 01 tháng 02 lần, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị “Không gian Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên - Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Qua đó, tạo sản phẩm du lịch văn hóa đặc sắc, điểm hẹn văn hóa cuối tuần hấp dẫn, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh.

Cùng với đó, ngành du lịch Đắk Lắk đã triển khai các chính sách, biện pháp kích cầu du lịch, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, liên kết mở rộng thị trường khách du lịch; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định trong hoạt động kinh doanh du lịch tại các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú; xây dựng hình ảnh du lịch Đắk Lắk thân thiện, mến khách, thu hút du khách trong, ngoài nước.

Cùng với đó, ngành du lịch Đắk Lắk đã triển khai các chính sách, biện pháp kích cầu du lịch, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, liên kết mở rộng thị trường khách du lịch; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy định trong hoạt động kinh doanh du lịch tại các khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú; xây dựng hình ảnh du lịch Đắk Lắk thân thiện, mến khách, thu hút du khách trong, ngoài nước.

Sau khi có chủ trương thay thảm hành lang và sàn gỗ công nghiệp trong phòng ngủ của khách sạn Sài Gòn Ban Mê. Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo rất ráo Ban điều hành triển khai thực hiện thay thế xong hệ thống thảm hành lang vào đầu tháng 4/2024, và cuối tháng 9/2024 đã thực hiện việc thay sàn gỗ khối phòng ngủ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ để thu hút khách trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk nằm trong hệ thống Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV nên tạo được giá trị ổn định về mặt chất lượng dịch vụ và thương hiệu. Đây là yếu tố rất thuận lợi trong việc cạnh tranh với các Nhà hàng, Khách sạn có cùng đẳng cấp trên địa bàn. Dựa vào hệ thống các đơn vị của Tổng công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV nên quảng cáo tiếp thị các sản phẩm dịch vụ của khách sạn rộng hơn, tốt hơn và nhanh hơn;

Bên cạnh đó được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng tập thể CBCNV trong việc hoàn thiện quy trình

dịch vụ, chính chu trong quá trình phục vụ khách hàng, năng động hơn trong công tác tiếp thị và bán hàng nên bước đầu có tạo được hiệu ứng và sự tin tưởng, thu hút khách hàng tổ chức các sự kiện, chương trình. Các chính sách điều hành Kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc ngày càng linh hoạt hơn để nâng cao tính cạnh tranh trong dịch vụ tại địa bàn, nhất là trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, tái đầu tư, giá thành...;

Tập thể CBCNV Người lao động của Công ty nhiệt tình trong công việc và có tinh thần đoàn kết nội bộ;

Các Khách sạn, Nhà hàng trong toàn Công ty hoạt động lâu năm đã trở nên thân thuộc với nhiều đối tượng khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là thị phần khách MICE, onlines, lữ hành inbound, cơ quan ban ngành trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là thị phần từ thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng...

Khó khăn:

Do mất cân đối về nguồn vốn hình thành tài sản sau đầu tư, vì vậy dòng tiền liên tục thiếu hụt nên đã ảnh hưởng đến việc thanh toán các khoản nợ như: Nợ ngân hàng; nợ thuế; nợ BHXH; nợ lương CBCNV và nợ nhà cung cấp theo cam kết, dẫn đến cơ quan thuế thông báo phong tỏa tài khoản thanh toán tại các ngân hàng và ngừng sử dụng hoá đơn (từ ngày 26/7/2024 đến ngày 27/8/2024); Thanh toán nợ vay chưa đúng thời gian theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết dẫn đến nợ quá hạn và ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột.

Các đơn vị trong Công ty đã qua nhiều năm hoạt động và kinh doanh do đó các trang thiết bị bắt đầu xuống cấp nên tốn nhiều chi phí để nâng cấp sửa chữa và vận hành;

Bị áp lực vốn vay ngân hàng lớn, việc kinh doanh chưa có hiệu quả, thường xuyên bị thiếu hụt tài chính nên chưa có nguồn để đầu tư trang thiết bị mới phục vụ công tác kinh doanh.

Mức lương còn thấp so với mặt bằng chung của thành phố do đó chưa đảm bảo được đời sống của người lao động nên dẫn đến tình trạng người lao động xin nghỉ việc nhiều;

Tình hình lao động biến động liên tục nên chất lượng phục vụ không ổn định. Thiếu lao động trong những dịp đông khách;

2. Đánh giá tình hình thực hiện kinh doanh của Công ty

Tổng doanh thu của toàn Công ty thực hiện 46.397.620.366 đồng so với kế hoạch cả năm 2024 là 58.404.129.000 đồng đạt 79%, so với thực hiện năm 2023 là 46.837.721.303 đồng, giảm 1%, với số tiền doanh thu giảm: 440.100.937 đồng.

STT	CHỈ TIÊU	TH 2023	NĂM 2024		% HT KH 2024	TH 2024 SO VỚI TH 2023	SO SÁNH			
			KH	TH			Tăng, giảm TH 2024 với KH 2024		Tăng, giảm TH 2024 với TH 2023	
							Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
I	TỔNG CỘNG DOANH THU	46.837.721.303	58.404.129.000	46.397.620.366	79%	99%	-21%	(12.006.508.634)	-1%	(440.100.937)
1	Doanh thu HĐKD chính	44.379.518.832	58.403.429.000	46.168.815.771	79%	104%	-21%	(12.234.613.229)	4%	1.789.296.939
1.1	DT phòng ngủ	16.015.897.340	25.151.499.000	18.815.793.952	75%	117%	-25%	(6.335.705.048)	17%	2.799.896.612
1.2	DT hàng ăn, GK	17.471.607.902	19.501.509.000	14.737.824.676	76%	84%	-24%	(4.763.684.324)	-16%	(2.733.783.226)
1.3	DT hàng chuyển bán	2.068.042.058	3.231.663.000	1.800.407.933	56%	87%	-44%	(1.431.255.067)	-13%	(267.634.125)
1.5	DT khác (Đthoại, gửi xe, giặt ủi,)	1.562.360.624	2.506.782.000	1.992.991.490	80%	128%	-20%	(513.790.510)	28%	430.630.866
1.6	DT dịch vụ du lịch, vé công CVN	3.348.911.528	4.275.595.000	5.126.978.163	120%	153%	20%	851.383.163	53%	1.778.066.635
1.7	DT mặt bằng + phòng họp	2.936.669.266	2.478.181.000	2.764.263.984	112%	94%	12%	286.082.984	-6%	(172.405.282)
1.8	Phi phục vụ	976.030.114	1.258.200.000	930.555.573	74%	95%	-26%	(327.644.427)	-5%	(45.474.541)
2	Doanh thu HĐTC và TN khác	2.458.202.471	700.000	228.804.595	32686%	9%	32586%	228.104.595	-91%	(2.229.397.876)
II	Tổng LN chưa PB CPQLDN, KHCB VÀ Lãi vay	9.731.324.252	13.322.646.506	6.104.521.090	46%	63%	-54%	(7.218.125.416)	-37%	(3.626.803.162)
III	Phân bổ chi phí QLDN	4.608.113.256	3.896.159.441	3.736.692.682	96%	81%	-4%	(159.466.759)	-19%	(871.420.574)
IV	Trừ KHCB	5.121.024.528	5.119.723.916	5.104.860.961	100%	100%	0%	(14.862.955)	0%	(16.163.567)
V	Trừ lãi vay ngân hàng	8.478.872.984	9.425.000.000	7.724.835.864	82%	91%	-18%	(1.700.164.136)	-9%	(754.037.120)
VI	Tổng lợi nhuận trước thuế (Lỗ)	(8.476.686.515)	(5.118.236.850)	(10.461.868.417)	204%	123%	104%	(5.343.631.567)	23%	(1.985.181.902)

Trong đó: Một số lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

1. Dịch vụ phòng ngủ

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 18.815.793.952 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 25.151.499.000 đồng, chỉ hoàn thành được 75% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 16.015.897.340 đồng, tăng 17% với số tiền doanh thu tăng tương ứng 2.799.896.612 đồng.

Về Công suất và giá phòng bình quân: Công suất phòng thực hiện năm 2024 toàn Công ty là 41,77% so với thực hiện năm 2023 là 37,09% tăng 4,68%. Giá phòng bình quân năm 2024 là 525.126 đồng; so với giá phòng bình quân năm 2023 là 503.360 đồng, tăng 21.766 đồng. Nguyên nhân giá phòng và công suất phòng bình quân tăng là do Quý 4/2025 Khách sạn Sài Gòn Ban Mê bắt đầu tăng giá phòng sau khi thay sàn gỗ kết hợp với chính sách giá bán phòng linh động theo từng thời điểm trong năm.

2. Dịch vụ ăn uống

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 14.737.824.676 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 19.501.509.000 đồng, chỉ đạt 76%, so với thực hiện năm 2023 là 17.471.607.902 đồng, giảm 16% với số tiền doanh thu giảm: 2.733.783.226 đồng. Doanh thu ăn uống không

đạt kế hoạch và giảm so với năm trước do sự ra đời của nhiều nhà hàng, quán ăn nhượng quyền thương hiệu, các địa điểm mới để “check-in” và xu hướng khách thích tổ chức tiệc cưới, tiệc sinh nhật ngoài trời, thuê các đơn vị nấu gia chánh với chi phí thấp.

3. Dịch vụ hàng chuyển bán

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 1.800.407.933 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 3.231.663.000 đồng, chỉ đạt 56%, so với thực hiện năm 2023 là 2.068.042.058 đồng, giảm 13% với số tiền doanh thu giảm: 267.634.125 đồng. Nguyên nhân doanh thu hàng chuyển bán không đạt kế hoạch và giảm so với năm trước do chính sách phạt vi phạm nồng độ cồn, khách hạn chế uống rượu bia khi ăn tiệc.

4. Dịch vụ cho thuê mặt bằng + phòng họp

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.764.263.984 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 2.478.181.000 đồng, đạt 112%, so với thực hiện năm 2023 là 2.936.669.226 đồng, đạt 94%, giảm 6% với số tiền doanh thu giảm 172.405.282 đồng. Doanh thu mặt bằng đạt kế hoạch do trong năm 2024 Khách sạn Sài Gòn Ban Mê ký hợp đồng với đối tác thuê mặt bằng Coffee Lounge tại tầng trệt, Khách sạn Thành Công có đối tác thuê mặt bằng nhà hàng. Mặc dù vậy doanh thu dịch vụ này giảm so với năm 2023 là do khách trả mặt bằng tăng lũng khách sạn Cao Nguyên.

5. Dịch vụ Du lịch, vé vào cổng Công viên nước

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 5.126.978.183 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 4.275.595.500 đồng, đạt 120% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 3.348.911.528 đồng tăng 53% với số tiền doanh thu tăng 1.778.066.635 đồng, sở dĩ như vậy là năm nay thời tiết thuận lợi hơn, ít mưa nắng nóng kéo dài cho nên kinh doanh CVN và Hồ bơi tại Lắc lượng khách tăng đáng kể so với năm trước.

6. Dịch vụ khác (điện thoại, giữ xe, giặt ủi...)

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 1.992.491.990 đồng; so với kế hoạch cả năm 2024 là 2.506.782.000 đồng, chỉ đạt 80%; so với thực hiện năm 2023 là 1.562.360.624 đồng, tăng 28%, với số tiền doanh thu tăng 430.630.866 đồng, do đầu năm nay thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị, về việc đẩy mạnh Hợp đồng hợp tác kinh doanh để khai thác hiệu quả mặt bằng hiện có và kể từ tháng 4/2024 Công ty đã nhận tiền phân chia tối thiểu của Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Gia đình Việt.com.

1.2. Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của toàn Công ty

Tổng doanh thu năm 2024 của toàn Công ty thực hiện được 46.397.620.366 đồng so với kế hoạch cả năm 2024 là 58.404.129.000 đồng đạt 79%, so với thực hiện năm 2023 là 46.837.721.303 đồng, giảm 1%, với số tiền doanh thu giảm: 440.100.937 đồng.

Nguyên nhân doanh thu không đạt kế hoạch:

- Sự cạnh tranh gay gắt về giá và cơ sở vật chất giữa các khách sạn tư nhân trên địa bàn: Mường Thanh Luxury, Hai Bà Trưng, Elephants, Sojo, Buôn Ma Thuột, Ban Mê Central, Bạch Mã... trong khi lượng khách du lịch không tăng, thậm chí giảm.

- Các chuyến bay từ các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh bị cắt bớt chuyến, gây ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của khách du lịch.

- Doanh thu ăn uống của tiệc cưới, tiệc hội nghị, sinh nhật giảm hẳn vì các Nhà hàng trực thuộc Công ty đã đi vào hoạt động lâu năm chưa có dòng tiền để đầu tư nâng cấp về hình thức cũng như trang thiết bị âm thanh, Led... nên không thu hút được khách hàng. Sự ra đời của các quán ăn, nhà hàng mới bắt kịp xu hướng của giới trẻ.

- Việc thực hiện triệt để Nghị định số 100-NĐ/CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, về việc cấm nồng độ cồn khi tham gia giao thông khiến doanh thu hàng chuyên bán (đặc biệt là bia, rượu) giảm mạnh, ảnh hưởng đến doanh thu chung.

Tổng lợi nhuận chưa phân bổ CPQLDN, KHCB và Lãi ngân hàng thực hiện năm 2024 là 6.104.521.090 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là 13.322.646.506 đồng, chỉ hoàn thành được 46%, so với thực hiện năm 2023 là 9.731.324.252 đồng thì chỉ đạt 63%. Sở dĩ như vậy là do doanh thu không hoàn thành kế hoạch đề ra; mặt khác các chi phí tiền lương, điện nước, tiền thuê đất tăng.

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 lỗ (10.461.868.417) đồng, so với thực hiện năm 2023 lỗ (8.476.686.515) đồng thì đã tăng lỗ 23% với số tiền lỗ tăng 1.985.181.902 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 lỗ (5.118.236.850 đồng) lỗ tăng 104% so với kế hoạch. Sở dĩ như vậy là do doanh thu không hoàn thành kế hoạch và một số khoản chi phí tăng như: Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội 640 triệu đồng, chi phí điện nước tăng 623 triệu đồng; tiền thuê đất tăng 753 triệu đồng; Thu nhập khác giảm hơn 2 tỷ đồng (năm 2023 được ngân hàng VCB giảm lãi vay và hạch toán vào thu nhập khác).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh từng đơn vị trực thuộc Công ty.

1. Khách sạn Sài Gòn Ban Mê

Tổng doanh thu năm 2024 là 27.085.864.796 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 33.000.700.000 đồng, chỉ đạt 82%; so với thực hiện năm 2023 là 28.334.859.553 đồng chỉ đạt 96%, giảm 4% với số tiền doanh thu giảm 1.248.994.757 đồng. Nguyên nhân doanh

thu giảm do lượng khách du lịch giảm mạnh so với năm 2023, tỉnh không có các sự kiện lớn để thu hút khách du lịch, cơ sở vật chất các sảnh tiệc, hội nghị xuống cấp, lỗi thời không đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho các chương trình Hội nghị/sự kiện có quy mô. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, tuy nhiên, giá bán các dịch vụ không tăng, vì nếu tăng giá sẽ không cạnh tranh được với các khách sạn đối thủ cùng phân khúc thị trường. Ngoài ra sự ra đời của nhiều nhà hàng đẳng cấp, các thương hiệu quán ăn nhượng quyền trên địa bàn cũng làm sụt giảm đáng kể lượng khách đến sử dụng dịch vụ ẩm thực tại nhà hàng.

								Đvt: đồng	
CHỈ TIÊU	TH 2023	NĂM 2024		% HT KH 2024	TH 2024 SO VỚI TH 2023	SO SÁNH			
		KH	TH			Tăng, giảm TH 2024 với KH 2024		Tăng, giảm TH 2024 với TH 2023	
						Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
Tổng doanh thu	28.334.859.553	33.000.700.000	27.085.864.796	82%	96%	-18%	(5.914.835.204)	-4%	(1.248.994.757)
Doanh thu HDKD chính	26.233.136.698	33.000.000.000	27.082.993.935	82%	103%	-18%	(5.917.006.065)	3%	849.857.237
DT phòng ngủ	11.964.152.883	20.150.000.000	14.751.332.377	73%	123%	-27%	(5.398.667.623)	23%	2.787.179.494
DT hàng ăn, GK	9.440.645.323	7.150.000.000	6.891.016.330	96%	73%	-4%	(258.983.670)	-27%	(2.549.628.993)
DT hàng hoá bán lẻ	1.067.162.393	1.550.000.000	898.531.092	58%	84%	-42%	(651.468.908)	-16%	(168.631.301)
DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	878.720.838	1.600.000.000	585.576.055	37%	67%	-63%	(1.014.423.945)	-33%	(293.144.783)
DT dịch vụ du lịch	246.757.913	300.000.000	1.350.640.200	450%	547%	350%	1.050.640.200	447%	1.103.882.287
DT mặt bằng + phòng họp	1.862.254.448	1.250.000.000	1.878.565.329	150%	101%	50%	628.565.329	1%	16.310.881
Phí phục vụ	773.442.900	1.000.000.000	727.332.552	73%	94%	-27%	(272.667.448)	-6%	(46.110.348)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.265.324	700.000	2.480.861	354%	196%	254%	1.780.861	96%	1.215.537
Doanh thu khác	2.100.457.531	-	390.000,0	0%	0%	0%	390.000	-100%	(2.100.067.531)
LN chưa PB CPQL; KHCB và Lãi vay	8.904.612.475	10.563.772.694	6.217.171.857	59%	70%	-41%	(4.346.600.837)	-30%	(2.687.440.618)
Trừ KHCB	3.849.987.985	3.848.689.644	3.913.138.961	102%	102%	2%	64.449.317	2%	63.150.976
Trừ lãi vay	4.982.229.742	5.600.000.000	4.285.160.840	77%	86%	-23%	(1.314.839.160)	-14%	(697.068.902)
Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	72.394.748	1.115.083.050	(1.981.127.944)	-178%	-2737%	-278%	(3.096.210.994)	-2837%	(2.053.522.692)
Phân bổ chi phí QLDN	2.135.467.118	1.828.365.324	1.721.143.296	94%	81%	-6%	(107.222.028)	-19%	(414.323.822)
Lợi nhuận trước thuế	(2.063.072.370)	(713.282.274)	(3.702.271.240)	519%	179%	419%	(2.988.988.966)	79%	(1.639.198.870)

Trong đó:

+ Dịch vụ phòng ngủ

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 14.751.332.377 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là 20.150.000.000 đồng đạt 73% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 11.964.152.883 đồng, đạt 123%, tăng 23% với số tiền tăng 2.787.179.494 đồng.

Công suất phòng năm 2024 là 50,93% so với thực hiện năm 2023 là 44%, tăng 6,93% và giá phòng bình quân năm 2024 là 605.705 đồng, so với thực hiện năm 2023 là 568.720 đồng, tăng 36.985 đồng. Công suất phòng và giá phòng bình quân tăng so với năm

trước nhờ chính sách giá phòng linh động, khối phòng ngủ được thay sàn gỗ mới nên bước đầu tăng lại giá phòng kết hợp với các chương trình khuyến mãi theo mùa có hiệu quả.

+ Dịch vụ ăn uống

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 6.891.016.330 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 7.150.000.000 đồng, đạt 96% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 9.440.645.323 đồng, đạt 73%, giảm 27% với số tiền giảm 2.549.628.993 đồng. Doanh thu ăn uống giảm so với năm trước do sự cạnh tranh gay gắt về giá của các Khách sạn cùng phân khúc thị trường và cơ sở vật chất trong sảnh tiệc như hệ thống âm thanh, màn hình Led và trang trí sảnh tiệc lỗi thời không phù hợp xu hướng hiện nay.

+ Dịch vụ hàng chuyển bán

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 898.531.092 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 1.550.000.000 đồng, đạt 58% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 1.067.162.393 đồng, đạt 84%, giảm 16% với số tiền giảm 168.631.301 đồng. Doanh thu hàng chuyển bán giảm mạnh do chính phủ siết chặt phạt vi phạm nồng độ cồn, Khách hạn chế bia, rượu khi ăn tiệc.

+ Dịch vụ du lịch

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 1.350.640.200 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 300.000.000 đồng, đạt 450% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 246.757.913 đồng, tăng 447%, với số tiền tăng 1.103.882.287 đồng. Nguyên nhân có sự tăng trưởng như vậy là do đơn vị nhận được đoàn tour từ các đơn vị trong hệ thống Saigontourist như: Sài Gòn – Kim Liên, Yasaka Nha Trang, Sài Gòn Côn Đảo, Đảng ủy TCT Du lịch Sài Gòn, CLB Nhân sự Saigontourist...

+ Dịch vụ cho thuê mặt bằng + phòng họp

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 1.878.565.329 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 1.250.000.000 đồng, đạt 150%; so với thực hiện năm 2023 là 1.862.254.448 đồng, tăng 1%, với số tiền tăng 16.310.881 đồng. Doanh thu mặt bằng vượt kế hoạch do Khách sạn có các đối tác thuê mặt bằng ký Hợp đồng dài hạn: mặt bằng Coffee Lounge, và hệ thống sảnh hội nghị ở tầng 4 có lượng Khách thuê đều giúp tăng doanh thu mặt bằng phòng họp.

+ Dịch vụ khác (điện thoại, giữ xe, giặt ủi...)

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 585.576.055 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 1.600.000.000 đồng, đạt 37%; so với thực hiện năm 2023 là 878.720.838 đồng, giảm 33% với số tiền giảm 293.144.783 đồng.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024, như sau:

Tổng lợi nhuận chưa phân bổ CPQLDN, KHCB và lãi vay ngân hàng thực hiện năm 2024 là 6.217.171.857 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là 10.563.772.694 đồng, chỉ hoàn thành được 59%, so với thực hiện năm 2023 là 8.904.612.475 đồng chỉ đạt 70%; giảm 30% với số tiền giảm 2.687.440.618 đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 lỗ (3.702.271.240) đồng, so với kế hoạch năm 2024 lỗ (713.282.274) đồng, thì lỗ đã vượt 419% kế hoạch và so với thực hiện năm 2023 lỗ (2.063.072.370) đồng, thì lỗ đã tăng 79% với số tiền lỗ tăng (1.639.198.870) đồng. Sở dĩ như vậy là do tiền lãi vay năm 2023 ngân hàng VCB giảm 2 tỷ đồng và hạch toán vào thu nhập khác, chi phí điện nước tăng 464 triệu đồng, chi phí tiền thuế đất tăng cũng làm cho lợi nhuận giảm.

2. Khách sạn Cao Nguyên

Tổng doanh thu năm 2024 là 6.660.195.371 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 7.121.600.000 đồng, đạt 94%; so với thực hiện năm 2023 là 6.669.730.365 đồng, đạt 100%.

STT	CHỈ TIÊU	TH 2023	NĂM 2024		% H/T KH 2024	TH 2024 SO VỚI TH 2023	SO SÁNH			
			KH	TH			Tăng, giảm TH 2024 với KH 2024		Tăng, giảm TH 2024 với TH 2023	
							Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
I	KS CAO NGUYÊN									
1	Tổng doanh thu	6.669.730.365	7.121.600.000	6.660.195.371	94%	100%	-6%	(461.404.629)	0%	(9.534.994)
1.1	DT phòng ngủ	2.904.767.276	3.087.500.000	2.828.743.372	92%	97%	-8%	(258.756.628)	-3%	(76.023.904)
1.2	DT hàng ăn, GK	2.329.236.344	2.584.000.000	2.722.553.711	105%	117%	5%	138.553.711	17%	393.317.367
1.3	DT hàng hoá bán lẻ	290.759.398	395.000.000	284.991.331	72%	98%	-28%	(110.008.669)	-2%	(5.768.067)
1.4	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	226.859.611	254.600.000	205.862.041	81%	91%	-19%	(48.737.959)	-9%	(20.997.570)
1.5	DT mặt bằng + phòng họp	772.869.367	638.000.000	476.607.745	75%	62%	-25%	(161.392.255)	-38%	(296.261.622)
1.6	Phí phục vụ	145.238.369	162.500.000	141.437.171	87%	97%	-13%	(21.062.829)	-3%	(3.801.198)
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	1.367.099.015	1.043.022.000	781.332.477	75%	57%	-25%	(261.689.523)	-43%	(585.766.538)
4	Trừ KHCB	249.141.480	249.141.000	239.676.936	96%	96%	-4%	(9.464.064)	-4%	(9.464.544)
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	1.117.957.535	793.881.000	541.655.541	68%	48%	-32%	(252.225.459)	-52%	(576.301.994)
6	Phân bổ chi phí QLDN	786.751.044	587.688.854	611.458.803	104%	78%	4%	23.769.949	-22%	(175.292.241)
7	Lợi nhuận trước thuế	331.206.491	206.192.146	(69.803.262)	-34%	-21%	-134%	(275.995.408)	-121%	(401.009.753)

Trong đó:

+ Dịch vụ phòng ngủ

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.828.743.372 đồng; so với kế hoạch cả năm 2024 là 3.087.500.000 đồng đạt 92%; so với thực hiện năm 2023 là 2.904.767.276 đồng, chỉ đạt 97%; giảm 3% với số tiền giảm 76.023.904 đồng.

Công suất phòng năm 2024 là 57,75%; so với thực hiện năm 2023 là 55,17%, tăng 2,5%. Giá phòng bình quân năm 2024 là 383.402 đồng, so với thực hiện năm 2023 là

412.141 đồng, giảm 28,739 đồng. Mặc dù, công suất phòng ngủ năm nay tăng hơn năm trước; nhưng giá phòng bình quân giảm. Trang thiết bị của khách sạn xuống cấp trầm trọng, cũ kỹ, không được đổi mới, đặc biệt hiện nay khách sạn chưa được trang bị thang máy dẫn đến khách phàn nàn rất nhiều không thu hút được khách phòng ngủ nên doanh thu phòng giảm so với cùng kỳ.

+ Dịch vụ ăn uống

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 2.722.553.711 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 2.584.000.000 đồng đạt 105%; so với thực hiện năm 2023 là 2.329.236.344 đồng, đạt 117% tăng 17% với số tiền tăng 393.317.367 đồng, điều này thể hiện sự quan tâm chăm sóc khách hàng tốt từ đội ngũ bán hàng đến lãnh đạo đơn vị, cũng như việc duy trì chất lượng món ăn và đa dạng thực đơn để khách hàng không cảm giác nhàm chán. Đây là lĩnh vực mạnh của khách sạn Cao Nguyên.

+ Dịch vụ hàng chuyển bán

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 284.991.331 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 395.000.000 đồng đạt 72%; so với thực hiện năm 2023 là 290.759.398 đồng, đạt 98% giảm 2% với số tiền giảm 5.768.067 đồng.

+ Dịch vụ cho thuê mặt bằng + phòng họp

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 476.607.745 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 638.000.000 đồng đạt 75%; so với thực hiện năm 2023 là 772.869.367 đồng, giảm 38% với số tiền giảm 296.261.622 đồng. Sở dĩ doanh thu mặt bằng giảm so với cùng kỳ năm trước là do tác Công ty Bảo hiểm FWD chấm dứt hợp đồng và trả lại mặt bằng tăng lũng.

+ Dịch vụ khác (điện thoại, giữ xe, giặt ủi...)

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 205.862.041 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 254.600.000 đồng đạt 81%; so với thực hiện năm 2023 là 226.859.661 đồng, giảm 9% với số tiền giảm 20.997.570 đồng.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của Khách sạn Cao Nguyên, như sau:

Tổng lợi nhuận chưa phân bổ CPQLDN, KHCB thực hiện năm 2024 là 781.332.477 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là 1.043.022.000 đồng, chỉ đạt được 75%, so với thực hiện năm 2023 là 1.367.099.015 đồng, chỉ đạt 57%; giảm 43% với số tiền giảm 585.766.538 đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 lỗ (69.803.262) đồng, so với kế hoạch năm 2024 lãi 206.192.146 đồng, lãi giảm 134%; so với thực hiện năm 2023 lãi 331.206.491 đồng, thì lãi đã giảm 121% với số tiền giảm 401.009.753 đồng.

Nguyên nhân lãi giảm so với cùng kỳ là do khách sạn đã đi vào hoạt động lâu năm nên không thể tăng giá để cạnh tranh với các đối thủ cùng phân khúc thị trường; từ tháng 10/2023 mặt bằng Bảo hiểm FWD trên tầng lửng của khách sạn trả mặt bằng, khách sạn chưa tìm được đối tác mới dẫn tới doanh thu mặt bằng tầng lửng giảm 95 triệu đồng, cũng là lợi nhuận giảm tương ứng, bên cạnh đó chi phí điện nước tăng 214 triệu đồng, chi phí tiền lương tăng 144 triệu đồng, chi phí sửa chữa nhỏ thường xuyên tăng 49 triệu đồng; tiền thuê đất tăng dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm.

3. Khách sạn Thành Công

Tổng doanh thu năm 2024 là 1.232.981.120 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 1.572.000.000 đồng chỉ đạt 78%, so với thực hiện năm 2023 là 1.077.141.075 đồng, tăng 14%, tương đương số tiền tăng 155.840.045 đồng. Mặc dù doanh thu có tăng so với năm trước, còn so với kế hoạch đề ra thì vẫn chưa đạt, là do lượng khách du lịch giảm đáng kể và nhu cầu của khách hàng hiện nay thích khách sạn mới nên với cơ sở hiện tại khách sạn Thành Công không cạnh tranh được với các khách sạn khác mới xây dựng trên địa bàn, ngoài ra khách sạn cũng không có ăn sáng và không có nhà hàng nên không thu hút được khách.

STT	CHỈ TIÊU	TH 2023	NĂM 2024		% HT KH 2024	TH 2024 SO VỚI TH 2023	SO SÁNH			
			KH	TH			Tăng, giảm TH 2024 với KH 2024		Tăng, giảm TH 2024 với TH 2023	
							Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
1	Tổng doanh thu	1.077.141.075	1.572.000.000	1.232.981.120	78%	114%	-22%	(339.018.880)	14%	155.840.045
a	Doanh thu HDKD chính	1.077.141.075	1.572.000.000	1.232.981.120	78%	114%	-22%	(339.018.880)	14%	155.840.045
a.1	DT phòng ngủ	941.921.708	1.405.040.000	1.025.259.647	73%	109%	-27%	(379.780.353)	9%	83.337.939
a.2	DT hàng ăn, GK									
a.3	DT hàng hoá bán lẻ	20.926.278	28.527.000	22.988.857	81%	110%	-19%	(5.538.143)	10%	2.062.579
a.4	DT khác (Đthoại, giữ xe, giặt ủi,)	27.015.201	28.000.000	37.833.331	135%	140%	35%	9.833.331	40%	10.818.130
a.5	DT mặt bằng	40.181.816	40.181.000	95.636.364	238%	238%	138%	55.455.364	138%	55.454.548
a.6	Phí phục vụ	47.096.072	70.252.000	51.262.921	73%	109%	-27%	(18.989.079)	9%	4.166.849
b	Thu nhập khác	-	-	-	0%	0%	0%	0	0%	0
3	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	(43.302.830)	360.699.800	64.754.560	18%	-150%	-82%	(295.945.240)	-250%	108.057.390
4	Trừ KHCB	134.449.752	134.448.000	134.449.748	100%	100%	0%	1.748	0%	(4)
5	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	(177.752.582)	226.251.800	(69.695.188)	-31%	39%	-131%	(295.946.988)	-61%	108.057.394
6	Phân bổ chi phí QLDN	252.884.264	217.662.539	226.466.223	104%	90%	4%	8.803.684	-10%	(26.418.041)
7	Lợi nhuận trước thuế	(430.636.846)	8.589.261	(296.161.411)	-3448%	69%	-3548%	(304.750.672)	-31%	134.475.435

Trong đó:

+ Dịch vụ phòng ngủ

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 1.025.259.647 đồng; so với kế hoạch cả năm 2024 là 1.405.040.000 đồng đạt 73%; so với thực hiện năm 2023 là 941.921.708 đồng đạt 109%; tăng 9% với số tiền tăng là 83.337.939 đồng.

Công suất phòng năm 2024 đạt 31,29% so với thực hiện năm 2023 là 28,35%, tăng 2,9%; Giá phòng bình quân năm 2024 là 289.540 đồng, so với năm 2023 là 293.616 đồng, giảm 4.076 đồng. Doanh thu phòng tăng nhẹ do giữa năm có đoàn bóng đá ở dài ngày. Tuy nhiên vẫn không đạt kế hoạch do lượng khách không đều, phụ thuộc vào các sự kiện ở địa phương.

+ Dịch vụ hàng chuyển bán

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 22.988.857 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 28.527.000 đồng, đạt 81% kế hoạch; so với thực hiện năm 2023 là 20.926.278 đồng, đạt 110%, tăng 10% với số tiền tăng 2.062.579 đồng.

+ Dịch vụ cho thuê mặt bằng

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 95.636.364 đồng; so với kế hoạch cả năm 2024 là 40.184.000 đồng, đạt 238%; so với thực hiện năm 2023 là 40.181.816 đồng, đạt 138%, tăng 38%. Nguyên nhân tăng: do có đối tác mới thuê mặt bằng tại mặt tiền Khách sạn.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của Khách sạn Thành Công, như sau:
Tổng lợi nhuận chưa phân bổ CPQLDN, KHCB thực hiện năm 2024 là 64.754.560 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là 360.699.800 đồng, chỉ đạt được 18%, so với thực hiện năm 2023 là lỗ (43.302.830) đồng, tăng 250%, tương ứng với số tiền tăng 108.057.390 đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 lỗ (296.161.411) đồng, so với kế hoạch năm 2024 lãi 8.589.261 đồng, lỗ tăng 3548% so với thực hiện năm 2023 lỗ (430.636.846) đồng, thì đã giảm lỗ được 134.475.435 đồng. Mặc dù đã giảm được lỗ so với năm trước, nhưng vẫn chưa có hiệu quả như mong muốn.

4. Du lịch Hồ Lắk

Tổng doanh thu năm 2024 là 2.198.253.706 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 3.739.829.000 đồng mới đạt 59%, so với thực hiện năm 2023 là 2.114.971.109 đồng, tăng 4%, tương đương số tiền tăng 83.282.597 đồng.

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH2023	NĂM 2024		% HT KH 2024	TH2024 SO VỚI TH 2023	SO SÁNH			
			KH	TH			Tăng, giảm TH 2024 với KH 2024		Tăng, giảm TH 2024 với TH 2023	
							Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
1	Tổng doanh thu	2.114.971.109	3.739.829.000	2.198.253.706	59%	104%	-41%	(1.541.575.294)	4%	83.282.597
1.1	DT phòng ngủ	205.055.473	508.959.000	210.458.556	41%	103%	-59%	(298.500.444)	3%	5.403.083
1.2	DT hàng ăn, GK	821.386.246	1.467.509.000	908.796.295	62%	111%	-38%	(558.712.705)	11%	87.410.049
1.3	DT hàng hoá bán lẻ	215.763.820	538.136.000	215.273.907	40%	100%	-60%	(322.862.093)	0%	(489.913)
1.4	DT khác (Đthoại, gửi xe, giặt ủi,)	159.631.824	324.182.000	174.806.395	54%	110%	-46%	(149.375.605)	10%	15.174.571
1.5	DT dịch vụ du lịch, vé công CVN	644.699.155	875.595.000	606.759.261	69%	94%	-31%	(268.835.739)	-6%	(37.939.894)
1.6	DT mặt bằng	58.181.818	-	71.636.363		123%		71.636.363	23%	13.454.545
1.7	Phí phục vụ	10.252.773	25.448.000	10.522.929	41%	103%	-59%	(14.925.071)	3%	270.156
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	(647.466.218)	(345.173.947)	(955.339.852)	277%	148%	177%	(610.165.905)	48%	(307.873.634)
3	Trừ KHCB	321.115.259	321.115.272	321.115.272	100%	100%	0%	0	0%	13
4	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	(968.581.477)	(666.289.219)	(1.276.455.124)	192%	132%	92%	(610.165.905)	32%	(307.873.647)
5	Phân bổ chi phí QLDN	533.866.780	478.857.585	452.932.446	95%	85%	-5%	(25.925.139)	-15%	(80.934.334)
6	Lợi nhuận trước thuế	(1.502.448.257)	(1.145.146.804)	(1.729.387.570)	151%	115%	51%	(584.240.766)	15%	(226.939.313)

Trong đó:

+ Dịch vụ phòng ngủ

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 210.458.556 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 508.959.000 đồng, chỉ đạt 41% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 205.055.473 đồng, tăng 3% với số tiền tăng 5.403.083 đồng.

Công suất phòng năm 2024 là 4,02% so với thực hiện năm 2023 là 3,79%, tăng 0,23%; Giá phòng bình quân năm 2024 là 377.166 đồng, so với thực hiện năm 2023 là 390.582 đồng, giảm 13.416 đồng.

+ Dịch vụ ăn uống

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 908.796.295 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 1.467.509.000 đồng đạt 62%; so với thực hiện năm 2023 là 821.386.246 đồng, đạt 111%, tăng 11% với số tiền tăng 87.419.049 đồng.

+ Dịch vụ hàng chuyển bán

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 215.273.907, so với kế hoạch cả năm 2024 là 538.136.000 đồng đạt 40%; so với thực hiện cả năm 2023 là 215.763.820 đồng, đạt 100%.

+ Dịch vụ du lịch, vé cổng CVN

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 606.759.261 đồng so với kế hoạch năm 2024 là 875.595.000 đồng, hoàn thành được 69% kế hoạch, so với thực hiện năm 2023 là 644.699.155 đồng, đạt 94%, giảm 6% với số tiền giảm là 37.939.894 đồng.

+ Dịch vụ khác (Điện thoại, giữ xe, giặt ủi...)

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 174.806.395 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 324.182.000 đồng đạt 54%; so với thực hiện năm 2023 là 159.631.824 đồng, đạt 110% tăng 10% với số tiền tăng 15.174.571 đồng.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của Du lịch Hồ Lắk, như sau:

Tổng lợi nhuận chưa phân bổ CPQLDN, KHCB thực hiện năm 2024 là lỗ (955.339.852) đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là lỗ (345.173.947) đồng, tăng lỗ 177%, so với thực hiện năm 2023 là (647.466.218) đồng tăng lỗ 48%; với số tiền lỗ tăng (307.873.634) đồng.

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 lỗ (1.729.387.570) đồng, so với kế hoạch năm 2024 lỗ (1.145.146.804) đồng, lỗ tăng 51%; và so với thực hiện năm 2023 lỗ (1.502.448.257) đồng, lỗ tăng (226.939.313) đồng là do tiền thuê đất năm nay tăng so với năm trước 418 triệu đồng.

5. Nhà hàng Thắng Lợi – CVN

Tổng doanh thu năm 2024 là 8.994.391.639 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 12.970.000.000 đồng, mới đạt 69%, so với thực hiện năm 2023 là 8.284.539.585 đồng, tăng 9%, với số tiền doanh thu tăng là 709.852.054 đồng. Sở dĩ như vậy là đầu năm 2024 đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Gia đình Việt.com, và từ tháng 4/2024 nhận tiền phân chia kết quả kinh doanh mức tối thiểu theo Hợp đồng đã ký là 83,3 triệu đồng/tháng, hơn nữa kinh doanh Công viên nước thuận lợi, lượng khách tăng hơn năm trước do thời tiết ít mưa nắng nóng kéo dài.

STT	CHỈ TIÊU	TH 2023	NĂM 2024		% HT KH 2024	TH 2024 SO VỚI TH 2023	SO SÁNH			
			KH	TH			Tăng, giảm TH 2024 với KH 2024		Tăng, giảm TH 2024 với TH 2023	
							Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền
1	Tổng doanh thu	8.284.539.585	12.970.000.000	8.994.391.639	69%	109%	-31%	(3.975.608.361)	9%	709.852.054
1.1	DT hàng ăn, GK	4.880.339.989	8.300.000.000	4.215.458.340	51%	86%	-49%	(4.084.541.660)	-14%	(664.881.649)
1.2	DT bán lẻ hàng hóa	473.430.169	720.000.000	378.622.746	53%	80%	-47%	(341.377.254)	-20%	(94.807.423)
1.3	DT khác (Điện thoại, giữ xe, giặt ủi)	270.133.150	300.000.000	988.913.668	330%	366%	230%	688.913.668	266%	718.780.518
1.4	DT dịch vụ du lịch, vé cổng CVN	2.457.454.460	3.100.000.000	3.169.578.702	102%	129%	2%	69.578.702	29%	712.124.242
1.5	DT mặt bằng + phòng họp	203.181.817	550.000.000	241.818.183	44%	119%	-56%	(308.181.817)	19%	38.636.366
2	LN chưa PB CPQLDN và KHCB	(14.807.763)	1.700.325.959	775.717.885	46%	-5239%	-54%	(924.608.074)	-5339%	790.525.648
3	Trừ KHCB	566.330.052	566.330.000	496.480.044	88%	88%	-12%	(69.849.956)	-12%	(69.850.008)
4	Lợi nhuận chưa PB CPQLDN	(581.137.815)	1.133.995.959	279.237.841	25%	-48%	-75%	(854.758.118)	-148%	860.375.656
5	Phân bổ chi phí QLDN	899.144.050	783.585.139	724.691.914	92%	81%	-8%	(58.893.225)	-19%	(174.452.136)
6	Lợi nhuận trước thuế	(1.480.281.865)	350.410.820	(445.454.073)	-127%	30%	-227%	(795.864.893)	-70%	1.034.827.792

Trong đó:

+ Dịch vụ ăn uống

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 4.215.458.340 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 8.300.000.000 đồng đạt 51% kế hoạch; so với thực hiện năm 2023 là 4.880.339.989 đồng, đạt 80% giảm 20% với số tiền giảm 664.881.649 đồng. Doanh thu giảm so với năm 2023 là do số lượng tiệc cưới giảm mạnh.

+ Dịch vụ hàng chuyển bán

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 378.622.746 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 720.000.000 đồng, đạt 53% kế hoạch; so với thực hiện năm 2023 là 473.430.169 đồng, đạt 80%, giảm 20% với số tiền giảm là 94.807.423 đồng.

+ Dịch vụ du lịch, vé cổng Công viên nước

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 3.169.578.702 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 3.100.000.000 đồng, đạt 102% kế hoạch; so với thực hiện năm 2023 là 2.457.454.460 đồng đạt 129%, tăng 29% với số tiền tăng 712.124.242 đồng.

+ Dịch vụ cho thuê mặt bằng

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 241.818.183 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là 550.000.000 đồng, chỉ đạt 44% so với kế hoạch; so với thực hiện năm 2023 là 203.181.817 đồng, đạt 119%, tăng 19% với số tiền tăng là 38.636.366 đồng.

+ Dịch vụ khác (điện thoại, giữ xe...):

Doanh thu thực hiện năm 2024 là 988.913.668 đồng, so với kế hoạch cả năm 2024 là 300.000.000 đồng, đạt 330%; so với thực hiện năm 2023 là 270.133.150 đồng, tăng 266% với số tiền tăng 718.780.518 đồng.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của Nhà hàng Thắng Lợi – Công viên nước như sau:

Tổng lợi nhuận chưa phân bổ CPQLDN, KHCB thực hiện năm 2024 là 775.717.885 đồng, so với kế hoạch năm 2024 là lãi 1.700.325.959 đồng, giảm 54%, so với thực hiện năm 2023 lỗ (14.807.763) đồng, tăng 5339%; với số tiền tăng 790.525.648 đồng. Sở dĩ như vậy là do năm nay thời tiết nắng nóng kéo dài thuận lợi cho kinh doanh vui chơi Công viên nước.

Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024 lỗ (445.454.073) đồng, so với kế hoạch năm 2024 lãi 350.410.820 đồng, lỗ tăng 227%; so với thực hiện năm 2023 lỗ (1.480.281.865) đồng, thì lỗ đã giảm 70% với số tiền giảm 1.034.827.792 đồng.

Lãi năm nay tăng là do Công ty ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh khu vực đất tại Nhà hàng Thắng Lợi từ tháng 1/2024 dẫn đến doanh thu khác tăng, vé Công viên nước tăng so với cùng kỳ là do thời tiết nắng nóng nên khách tăng đột biến.

4. Giải pháp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

1. Đối với thị trường dịch vụ lưu trú

1.1 KHÁCH SẠN SÀI GÒN BAN MÊ

Tối đa doanh thu giai đoạn Lễ hội cà phê 9 – 13/3/2025 với chính sách giá phòng phân cấp theo từng loại phòng cụ thể.

Linh động về thời gian nhận trả phòng, đưa chương trình khuyến mãi như cho nhận phòng sớm hoặc cho trả phòng trễ vào các ngày thấp điểm trong tuần, các tháng thấp điểm trong năm.

Đẩy mạnh quảng cáo sản phẩm trên Fanpage, cập nhật bài đăng thường xuyên, thu hút lượt like, share từ nội bộ nhân viên để lan tỏa hình ảnh dịch vụ đến rộng rãi đối tượng Khách hàng hơn.

Triển khai chương trình Early Bird cho khách đặt sớm, Last Minute để đẩy mạnh bán phòng còn trống vào cuối ngày để thúc đẩy nhu cầu thị trường; tham gia các chiến dịch tiếp thị của các trang mạng lữ hành này để nâng thứ hạng trên các trang mạng này. Chú trọng công tác phản hồi cho đánh giá của khách hàng trên các trang OTA để nâng cao chất lượng dịch vụ của khách sạn.

Tham gia các hội nhóm du lịch, lữ hành trên địa bàn tỉnh để kết nối, bán sản phẩm. Áp dụng chính sách hoa hồng cho người giới thiệu dịch vụ, công ty trung gian đặt dịch vụ, các sở ban ngành địa phương. Xây dựng các chính sách giá kích cầu du lịch, giá dịch vụ dành riêng cho Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk, Công ty Lữ hành Saigontourist các tỉnh, trung tâm xúc tiến, các TA tại địa phương.

Thường xuyên cập nhật thông tin các đoàn khách quốc tế từ Sở ngoại vụ, Ủy ban Thành phố và có chính sách giá phù hợp.

Tiếp cận đối tượng khách Trung Quốc đến tỉnh để thu mua Sầu riêng và cà phê giai đoạn

từ tháng 7 đến tháng 12.

Chủ động gửi Hợp đồng hợp tác với các đối tác lữ hành trong và ngoài tỉnh năm 2025.

Duy trì những series booking hiện có và tìm thêm nhiều series mới để có lượng đặt phòng nền trong năm; định kỳ khảo sát các đối thủ cạnh tranh được xây mới/nâng cấp để hiểu rõ hơn đối thủ, điểm mạnh & điểm yếu, cũng như các chương trình khuyến mãi và giá bán, để kịp thời đưa ra chiến lược giá bán đặc biệt.

Sales call tìm kiếm và thiết lập mối quan hệ với các đối tượng khách hàng tiềm năng: công ty chuyên tổ chức sự kiện, các công ty bất động sản, dược phẩm, thuốc thú y, thức ăn gia súc, phân bón, thuốc trừ sâu, điện tử, điện lạnh, điện gió...

1.2. KHÁCH SẠN CAO NGUYÊN

Duy trì tốt dịch vụ đối với các đoàn khách từ thiện, thông qua những đoàn từ thiện truyền thống hỏi thêm thông tin giới thiệu, để kết nối với các đoàn từ thiện khác.

Liên kết với các Công ty xe khách tại Buôn Ma Thuột và áp dụng chính sách giá ưu đãi khi giới thiệu khách đến khách sạn và có chính sách hoa hồng cho người giới thiệu.

Hợp đồng với các Công ty lữ hành về giá cả, kết nối với các bộ phận kinh doanh của các hãng Lữ hành để trao đổi thông tin cần thiết về dịch vụ của Khách sạn.

Duy trì tốt dịch vụ đối với các khách hàng truyền thống, tìm kiếm thêm các khách công tác khác, thông qua sự giới thiệu của khách hàng truyền thống.

Xây dựng đa dạng các giá đặt phòng trọn gói để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách cũng như đảm bảo mục tiêu tối đa doanh thu (như phòng ngủ & xe đón/tiến sân bay, phòng ngủ & ăn trưa/ăn tối, phòng ngủ & City tour/giặt ủi/mát xa...)

1.3 KHÁCH SẠN THÀNH CÔNG

Xác định đối tượng khách chính là khách tham quan du lịch, khách đến làm ăn, khách hành hương, cứu trợ, khách tại các huyện lên hợp và công việc tại Buôn Ma Thuột, từ đó xây dựng các sản phẩm, dịch vụ, giá cả phù hợp.

Đẩy mạnh công tác tiếp thị theo đối tượng khách, theo thời gian cụ thể cùng các sự kiện của địa phương. Tập trung cho công tác bán hàng, đặc biệt là bán hàng trên mạng.

Ký kết với các công ty Taxi trên địa bàn Thành phố và áp dụng chính sách hoa hồng phù hợp cho tài xế Taxi đưa Khách đến Khách sạn.

Tiếp cận các nguồn khách thông qua các Công ty lữ hành trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và ngoài tỉnh.

Xây dựng chính sách giá dành riêng cho TA, chính sách Khách đoàn, chính sách giá bán cho các đơn vị trong hệ thống để thu hút thêm nguồn Khách nội bộ.

Tăng cường công tác quảng bá tiếp thị, đổi mới chính sách bán phòng, các dịch vụ mới lạ, các chương trình khuyến mãi cho phù hợp với thị trường khách lưu trú.

Luôn quan tâm chào mời khách quen sử dụng dịch vụ của khách sạn, đồng thời gửi các tờ rơi khi có hội chợ du lịch mà Công ty tham gia. Tiếp tục quan hệ với một số đơn vị ban ngành trong tỉnh.

1.4. DU LỊCH HỒ LẮK

Cập nhật thường xuyên hình ảnh về sự kiện, Khách đoàn, cơm đoàn, tiệc cưới tại đơn vị lên Fanpage.

Quay hình lại các sự kiện qua các video ngắn kết hợp với khung cảnh xung quanh hồ Lak để thu hút Khách.

Đưa ra các thực đơn theo Combo 2 người, 4 người, 8 người mang đậm chất địa phương như: gà nướng cơm lam, heo nướng bóp rau thơm, gỏi cà đắng cá rô, chả cá thác lác hồ Lak ... để thu hút đối tượng Khách lẻ, nhóm gia đình, Khách địa Phương đến sử dụng dịch vụ, ngoài đối tượng chính là Khách đoàn.

Liên kết cầu nối với các Công ty xe khách, hoặc các hãng taxi tại Buôn Ma Thuột; áp dụng các chính sách hoa hồng ưu đãi khi giới thiệu khách đến đơn vị.

Kết nối với các công ty Lữ hành trên địa bàn tỉnh để cung cấp chính sách giá phòng và thực đơn dành riêng cho các đối tác.

Kết hợp với Lữ hành xây dựng các tour kết hợp dịch vụ của Du lịch Hồ Lắk để giới thiệu với khách hàng lưu trú tại các đơn vị thuộc Công ty như Khách sạn Sài Gòn Ban Mê, Khách sạn Cao Nguyên, Khách sạn Thành Công.

2. Đối với dịch vụ ẩm thực

2.1. Phân tích tác động môi trường kinh doanh

+ Đối với thị trường dịch vụ Tiệc cưới – Hội nghị

Đối với dịch vụ tiệc cưới: Xu hướng tổ chức tiệc tại nhà, tiệc ngoài trời với các gói trang trí đa dạng, bắt mắt cùng thực đơn phong phú. Ngoài ra, đối với Khách địa phương thì xu hướng tổ chức tiệc cưới tại các Nhà hàng chuyên về tiệc cưới được đánh giá cao hơn là Khách sạn, và hiệu ứng truyền miệng từ Khách tham dự tiệc cưới cũng tác động rất lớn đến quyết định đặt tiệc. Đối với đơn vị tại tỉnh thì món ăn là yếu tố quyết định khi lựa chọn đặt tiệc.

Đối với dịch vụ Hội nghị: Trong năm 2024 thị trường không được đánh giá khả quan do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trên toàn cầu, các doanh nghiệp thắt chặt các hoạt động hội họp, hoặc diễn ra quy mô nhỏ hơn, không thường xuyên.

*** Thị trường dịch vụ Hội nghị - Tiệc cưới tại Đắk Lắk và của Công ty**

+ Những yếu tố tích cực:

Phát triển du lịch theo hướng phát huy mạnh mẽ, đồng bộ các tiềm năng du lịch của tỉnh; tập trung đầu tư để thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm trung chuyển dịch vụ, du lịch chính của tỉnh; hình thành và tạo sự kết nối giữa các điểm, tuyến du lịch của tỉnh, cũng như các

khu, điểm du lịch của các tỉnh trong khu vực. Phần đầu sớm đưa du lịch là một trong những động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Khách sạn Sài Gòn Ban Mê: tầng 16 khách sạn có vị trí đẹp, cao, khách hàng có thể ngắm nhìn toàn cảnh thành phố Buôn Ma Thuột đó là điều kiện thuận lợi để thu hút được nguồn khách ăn uống, tiệc liên hoan, sinh nhật,... Các phòng họp hội nghị có sức chứa từ 50-400 khách đây là điều kiện thuận lợi để tổ chức hội nghị, tiệc cưới nhỏ...

Trong tháng 11 có nhiều sự kiện quan trọng diễn ra hướng đến kỉ niệm 120 năm thành lập tỉnh và cũng là cơ hội sẽ là điểm nhấn để thu hút lượng khách đến với địa phương.

+ Những yếu tố tiêu cực:

Sau ảnh hưởng của dịch bệnh là ảnh hưởng của chuỗi suy thoái kinh tế trên toàn cầu nên các tổ chức, doanh nghiệp tiếp tục tiết giảm hoặc cắt bỏ các chi phí không cần thiết trong năm 2024.

Khó khăn về nguồn tài chính đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kinh doanh ẩm thực như: do phải thanh toán trễ hạn cho các nhà cung cấp và dẫn đến đơn vị phải chấp nhận mua một số mặt hàng với mức giá chưa hợp lý lắm, dẫn đến chi phí đầu vào tăng; trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ & trang trí tiệc rất thiếu, thật sự không theo kịp với sự đầu tư, trang bị của các đối thủ cạnh tranh, đây là một nguyên nhân làm giảm doanh thu tiệc.

Bên cạnh sự cạnh tranh quyết liệt của khách sạn Mường Thanh, khách sạn Hai Bà Trưng, khách sạn Elephant trong khi Khách sạn Sài Gòn Ban Mê không có sảnh lớn để chứa được lượng khách lớn, Nhà hàng Thắng Lợi lại không nằm trong cùng phân khúc khách hàng. Trong những năm vừa qua, thị trường tiệc sinh nhật, họp mặt, liên hoan còn có sự cạnh tranh rất lớn từ các nhà hàng, quán nhậu, phần lớn các nhà hàng, quán nhậu, các khu ẩm thực đều chú trọng và đẩy mạnh quan tâm đầu tư vào thị trường này.

Sảnh tiệc cưới chỉ phục vụ được 400 khách nên không đáp ứng nhu cầu của đa phần khách hàng, bên cạnh đó là sự xuống cấp của cơ sở vật chất, sự lạc hậu của âm thanh ánh sáng, sự nghèo nàn của phụ kiện trang trí.

Đánh giá tổng quan:

Từ những nhận định trên, Công ty cần phải nhanh chóng khắc phục những hạn chế về cơ sở vật chất, những thua kém về trang thiết bị, dụng cụ, âm thanh ánh sáng để từ đó dần lấy lại sự ủng hộ của khách hàng, đồng thời phát huy thế mạnh các thế mạnh của đơn vị như: vị trí trung tâm, thương hiệu gắn liền với Saigontourist, quản lý chuyên nghiệp, nhân viên phục vụ có chuyên môn nghiệp vụ, nhân viên bếp lành nghề.

Phải duy trì chất lượng món ăn, chất lượng phục vụ thật tốt và nhất quán. Không ngừng đưa ra các món ăn mới để làm hài lòng nhu cầu thưởng thức và trải nghiệm của cả thực khách.

Luôn đảm bảo nguồn nguyên liệu thực phẩm an toàn, đạt chất lượng, giá cả đầu vào hợp lý, kiểm soát tiêu hao chặt chẽ để từ đó có được giá bán thật sự cạnh tranh.

Xem việc chăm sóc khách hàng là ưu tiên hàng đầu, trong tình hình cạnh tranh quyết liệt như hiện nay, để khách hàng trở thành khách hàng trung thành, không bị mất về tay đối thủ cạnh tranh.

8. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ- HĐQT:

8.1. Công tác kinh doanh:

Qua những khó khăn và thuận lợi nêu trên, kết quả kinh doanh toàn Công ty trong năm 2024 đạt được như sau:

1. Tổng doanh thu thực hiện năm 2024	:	46.397.620.366 đồng
<i>(đã bao gồm Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác)</i>		
2. Lợi nhuận chưa PB CPQLDN, KH và LV	:	6.104.521.090 đồng
3. Phân bổ CPQLDN năm 2024	:	3.736.692.682 đồng
4. Khấu hao cơ bản năm 2024	:	5.104.860.961 đồng
5. Tiền lãi vay ngân hàng 2024	:	7.724.835.864 đồng
6. Lợi nhuận thực hiện năm 2024 (lỗ)	:	(10.461.868.417) đồng

8.2. Công tác tổ chức - đào tạo:

Ổn định công tác tổ chức lao động: Do tình hình kinh doanh ngày càng khó khăn hơn, không có doanh thu đã ảnh hưởng đến công tác tài chính, việc trả lương cho người lao động bị chậm, ngoài ra thu nhập của người lao động trong toàn công ty vẫn còn thấp nên dẫn đến tình hình lao động biến động trong các đơn vị tương đối nhiều. Lao động nghỉ việc nhiều cho nên phải thường xuyên tuyển dụng mới (nghỉ việc 45 người, tuyển mới 45 người) cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng chuyên môn trong công việc. Nhưng Công ty cũng đã làm tốt công tác tư tưởng, động viên người lao động, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập hàng tháng ở mức chấp nhận được. Từ đó, duy trì hoạt động kinh doanh trong toàn hệ thống một cách bình thường.

8.3. Một số tồn tại:

- Việc bán Tour nội địa chưa chủ động được nguồn khách, vẫn còn hạn chế so với các đối thủ cạnh tranh là các Công ty lữ hành của tư nhân; cơ cấu giá bán còn cao chưa linh hoạt. Các đơn vị, cá nhân bên ngoài hạ giá thấp bằng mọi cách để lấy được khách. Trong khi người mua tour thì ham rẻ ít quan tâm đến yếu tố chất lượng và uy tín của việc cung cấp dịch vụ. Nên kinh doanh dịch vụ du lịch của công ty gặp rất nhiều khó khăn.

- Công tác quảng cáo, tiếp thị, chào mời còn nhiều hạn chế. Một số đơn vị trực thuộc chưa làm được hoặc làm còn yếu công tác bán hàng qua trang Website, do cập nhật các thông tin chưa kịp thời, nội dung chưa phong phú đa dạng.

- Dịch vụ tiệc, tiệc cưới chưa tìm ra giải pháp để cạnh tranh với các nhà hàng tư nhân. Với xu thế đòi hỏi ngày càng cao của dịch vụ tiệc cưới hiện nay về các trang thiết bị phục vụ như xe ô tô đời mới cao cấp, các dụng cụ phục vụ nghi thức, nghi lễ, các chế độ khuyến mãi khác v.v... Nhưng do khó khăn về tài chính phải tập trung vào việc trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Công ty không thể đáp ứng được các yêu cầu của khách. Kể cả Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê 4 sao nhưng sân khấu của một số sảnh nhà hàng, sảnh hội nghị chưa

trang bị được màn hình led, do đó không thu hút khách đặt tiệc, tiệc cưới và hội nghị. Vì vậy, kinh doanh dịch vụ nhà hàng trong tất cả các đơn vị liên tục bị giảm sút qua từng năm.

9. Tình hình tài chính

9.1. Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng tài sản	119.493.287.528	116.394.316.854
1.1	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	3.604.661.243	4.005.187.335
1.2	<i>Tài sản dài hạn</i>	115.888.626.285	112.389.129.519
2	Doanh thu thuần	44.379.518.832	46.168.815.771
3	Lợi nhuận trước thuế	(8.476.686.515)	(10.461.868.417)
4	Lợi nhuận sau thuế	(8.476.686.515)	(10.461.868.417)

9.2. Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Nợ ngắn hạn	67.712.575.990	99.046.973.733
1.1	<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	36.182.599.669	61.903.596.740
1.2	<i>Phải trả người bán</i>	3.915.306.722	9.137.269.136
2	Nợ dài hạn	34.673.783.177	10.702.283.177
2.1	<i>Vay và nợ dài hạn</i>	34.673.783.177	10.398.878.177
3	Tổng nợ phải trả	102.386.359.167	109.749.256.910

10. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công tác tổ chức được sắp xếp theo hướng chuyên môn hóa và trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo.

- Công ty đã áp dụng chính sách khoán tiền lương trên hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, tạo tính chủ động và tiết kiệm chi phí nhằm kinh doanh có hiệu quả cao hơn.

- Các biện pháp kiểm soát: Ban hành Quy định chi tiêu hành chính áp dụng nội bộ Công ty, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong các dịch vụ kinh doanh. Nhằm kiểm soát chặt chẽ trong việc thanh toán chi phí của từng bộ phận, đơn vị trực thuộc.

11. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá, tiếp thị, khai thác tour outbound và nội địa. Đồng thời xây dựng các chương trình nội địa đặc thù với giá cả cạnh tranh nhưng phải đảm bảo chất lượng để chào bán cho các đối tác trong nước, các công ty, cơ quan ban, ngành trong tỉnh; Liên kết với các công ty lữ hành (đặc biệt là Saigon tourist) để xây dựng lại các chương trình tour đi nước ngoài đặc trưng, có lịch khởi hành hàng tháng;

- Xây dựng các chương trình tham quan các điểm du lịch trong tỉnh và trong thành phố Buôn Ma Thuột để làm phong phú các dịch vụ nhằm để kéo dài thời gian lưu trú của các đoàn khách;

- Tập trung các nguồn tài chính sau khi trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng xong, thì ưu tiên hàng đầu là trang bị thêm màn hình LED cho khách sạn Sài Gòn - Ban Mê (trước đây đã có kế hoạch trang bị nhưng chưa thực hiện được) nhằm thu hút thêm khách đặt tiệc, tiệc cưới và tiệc hội nghị;

- Tiếp tục ổn định và nâng cao chất lượng các món ăn. Xây dựng bộ thực đơn đa dạng, phong phú để thoả mãn sự lựa chọn của khách hàng. Phải đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm trong khâu chế biến hàng ăn;

- Lựa chọn các nhà cung ứng thực phẩm, đấu thầu để cung ứng cho tất cả các nhà hàng trong Công ty. Nhằm đảm bảo về nguồn hàng, ổn định giá, ổn định chất lượng từ đó đảm bảo được VSATTP, giảm được giá thành là cơ sở giảm giá bán để thu hút khách nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ nhà hàng;

- Rà soát lại các chính sách hoa hồng, khuyến mãi và các ưu đãi đối với khách hàng. Đồng thời cho nhân viên sales đi khảo sát thực tế để điều chỉnh lại cho phù hợp với xu thế cạnh tranh hiện nay của các nhà hàng khách sạn trên bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Đặc biệt là các trung tâm hội nghị tiệc cưới lớn như Đại Hùng, Victory, Hoàng Lộc 2, Mường Thanh, Hoàng Lộc 3...

- Tiếp tục ổn định lao động về số lượng và chất lượng trong toàn Công ty. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn bằng nhiều hình thức: đào tạo mới và đào tạo lại; cử đi đào tạo và đào tạo tại chỗ. Liên kết với các khách sạn trong hệ thống Tổng công ty Saigon Tourist để gửi đi học tập thực tế để người lao động nắm bắt nhanh nghiệp vụ và tiết kiệm được chi phí;

- Củng cố hoạt động kinh doanh của khách sạn Thành Công và khu du lịch Hồ Lắk về việc ổn định tổ chức bộ máy người lao động; sửa chữa, tu bổ, mua sắm trang thiết bị, công cụ lao động; tăng cường chất lượng phục vụ để phục hồi và thu hút đối tượng khách bình dân;

- Đi đôi với công tác quảng cáo tiếp thị là việc nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ mang tính chuyên nghiệp để chiếm lĩnh thị trường trong các lĩnh vực kinh doanh Lữ hành - Khách sạn - Nhà hàng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Công tác kinh doanh:

Hội đồng quản trị đã đánh giá kết quả SXKD năm 2024, xét duyệt kế hoạch SXKD năm 2025 chuẩn bị trình Đại hội cổ động thường niên xem xét và thông qua.

1.2. Công tác tổ chức - đào tạo:

Công tác tổ chức: để tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Công ty đã thực hiện luân chuyển cán bộ theo nghị quyết của HĐQT.

Thực hiện điều động và luân chuyển cán bộ theo hướng trẻ hóa.

Công tác đào tạo: Ban Tổng giám đốc rất quan tâm chú trọng đến công tác đào tạo và đào tạo lại. Do điều kiện khó khăn cho nên trong năm Công ty đã cử một số CB-CNV người lao động tham dự các lớp tập huấn tại các bộ phận kinh doanh trực tiếp như Lễ tân, nhà hàng, buồng phòng... nhằm để nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, người lao động trong toàn Công ty.

1.3. Một số công tác khác:

Đã xây dựng và ban hành quy chế Quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và ban kiểm soát.

1.4. Một số tồn tại:

Chưa có biện pháp để đa dạng hóa các dịch vụ vui chơi giải trí ở Công viên nước dẫn đến công tác kinh doanh mới chỉ theo mùa vụ, chưa phát huy được hiệu quả diện tích mặt bằng hiện có. Mặt bằng tại đơn vị Nhà hàng Thắng Lợi hiện đang để trống chưa có nguồn vốn để thực hiện việc đầu tư kinh doanh.

Công tác tiếp thị quảng cáo trong lĩnh vực tổ chức tiệc cưới ở một số đơn vị chưa được chú trọng, chất lượng món ăn có lúc chưa thỏa mãn được yêu cầu của khách hàng.

Các chương trình tour du lịch mới xây dựng quảng cáo chưa rộng rãi đến với khách hàng. Đặc biệt là các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo điều hành của Ban Tổng Giám đốc hoạt động kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định và thực hiện đúng theo Nghị quyết của HĐQT đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tổ chức triển khai kế hoạch SXKD năm 2025 trình được đại hội cổ động thông qua. Tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp. Tiếp tục hoàn thiện nội quy, quy chế quản lý phù hợp với điều lệ, luật định và tình hình thực tiễn tại công ty, nâng cao hiệu quả năng lực quản lý

Tăng cường đẩy mạnh khai thác tour du lịch nội địa và tour ngoài nước

Tiếp tục ổn định chất lượng món ăn, xây dựng thực đơn đa dạng, phong phú để thỏa mãn sự lựa chọn của khách hàng tăng uy tín của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ(CP)	
			Đại diện	Cá nhân
1	Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch	4.729.401	0
2	Ông Nguyễn Kim Châu	Thành viên	0	0
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0	0
4	Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	0	0
5	Phạm Thành Đô	Thành viên	0	0

1.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban cố vấn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)
1	Ông Lê Trung Châu	Trưởng ban	5.000
2	Ông Ninh Văn Hiền	Phó ban	5.000
3	Ông Lương Văn Lục	Thành viên	0
4	Bà Nguyễn Thị Bê	Thành viên	28.364
5	Ông Trần Duy Khương An	Thành viên	38.856

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch	11/11	100%	
2	Ông Nguyễn Kim Châu	Thành viên	11/11	100%	
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	11/11	100%	
4	Ông Phạm Thành Đô	Thành viên	11/11	100%	
5	Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	11/11	100%	

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 11 phiên họp tập trung là:

- Phiên họp ngày 26 tháng 3 năm 2024:

“V/v Hội đồng quản trị Công ty đồng ý chủ trương cho sửa chữa lát sàn gỗ công nghiệp 55 phòng ngủ SUPERIOR (tầng 5 – tầng 9) của khách sạn Sài Gòn – Ban Mê”.

a. Chi phí sửa chữa lát sàn gỗ công nghiệp 55 phòng ngủ Superior (tầng 5 – tầng 9): theo báo giá chào bán cạnh tranh dự kiến khoảng 842.737.500 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

b. Nguồn vốn: Xin nợ nhà thầu trả dần theo tình hình kinh doanh của Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê (hợp đồng thanh toán theo lộ trình kinh doanh).

c. Phương thức thực hiện: Làm theo hình thức cuốn chiếu từng tầng. Để tiết kiệm chi phí tối đa, kính đề nghị HĐQT cho áp dụng theo hình thức ký hợp đồng mua sắm trực tiếp với các nhà thầu; theo phương thức chào giá cạnh tranh rút gọn không qua mạng”.

- Phiên họp ngày 08 tháng 04 năm 2024:

“V/v Đồng ý bổ nhiệm Ông Lê Ngọc Luân – Giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk, kiêm Giám đốc Khách sạn Sài Gòn Ban Mê”.

- Phiên họp ngày 27 tháng 04 năm 2024:

“V/v Thông qua nội dung chương trình và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Tuy nhiên, tờ trình số 02 sẽ thông báo trước Đại hội chờ khi UBND thành phố Hồ Chí Minh đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường để các cổ đông của Công ty thông qua”;

“V/v Thông qua kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Công ty”;

“V/v Thông qua báo cáo của BKS Công ty năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán”;

“V/v Thông qua quyết toán tiền lương năm 2023 và kế hoạch tiền lương năm 2024 của công ty”;

“V/v Thông qua việc kêu gọi các đối tác để hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Khách sạn Thành Công và các mặt của Công ty nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, có dòng tiền cho Công ty hoạt động trong giai đoạn khó khăn hiện nay”.

- Phiên họp ngày 18 tháng 6 năm 2024:

“V/v Hội đồng quản trị đồng ý chủ trương của Tổng Công ty về việc điều động Ông Trần Thái Hưng – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk về Công tác tại Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên”.

- Phiên họp ngày 03 tháng 8 năm 2024:

“V/v Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm và phương hướng kinh doanh 6 tháng cuối năm 2024 của Công ty”;

“V/v Thống nhất hỗ trợ giải pháp tài chính: Công ty tập trung đẩy mạnh bán số lượng Voucher còn tồn để tiếp tục xin Tổng Công ty phát hành voucher đợt 3 nhằm có dòng tiền trang tài các khoản nợ cấp bách”;

“V/v Thống nhất hỗ trợ giải pháp tài chính: Công ty tập trung đẩy mạnh bán số lượng Voucher còn tồn để tiếp tục xin Tổng Công ty phát hành voucher đợt 3 nhằm có dòng tiền trang tài các khoản nợ cấp bách”;

“V/v Thông nhất việc ban điều hành Công ty cần rút ráo khẩn trương trong chiến lược kinh doanh sắp tới; chú trọng cải tạo, vệ sinh lại cảnh quan trong đơn vị trực thuộc; tìm kiếm các đối tác để cho thuê mặt bằng”;

“V/v Thông nhất việc ban điều hành Công ty cần rút ráo khẩn trương trong chiến lược kinh doanh sắp tới; chú trọng cải tạo, vệ sinh lại cảnh quan trong đơn vị trực thuộc; tìm kiếm các đối tác để cho thuê mặt bằng”.

- Phiên họp ngày 14 tháng 8 năm 2024:

“V/v HĐQT Công ty đồng ý chủ trương Áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với Công ty cổ phần Trí Tuệ - FORHEADS và ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Nhà hàng Thắng Lợi – Công viên nước với Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk: Mục đích hợp đồng hợp tác, thời hạn hợp đồng, phương thức phân chia hiệu quả hợp tác kinh doanh...”.

- Phiên họp ngày 31 tháng 8 năm 2024:

“V/v Hội đồng quản trị Công ty đồng ý chủ trương Áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với bà Hoàng Thị Loan, địa chỉ Thôn 4, xã Phú Xuân, Huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; Số CCCD số 066193007068 cấp ngày 08/07/2021 tại cục Quản lý hành chính về TTXH; Số điện thoại: 0949 886 365. Cụ thể các điều: Diện tích đất hợp tác kinh doanh; mục đích hợp đồng hợp tác kinh doanh; thời hạn hợp đồng, phương thức phân chia hiệu quả kinh doanh”.

- Phiên họp ngày 15 tháng 11 năm 2024:

“V/v HĐQT Công ty đồng ý chủ trương cho sửa chữa lót sàn gỗ công nghiệp 44 phòng ngủ SUPERIOR (tầng 10-> tầng 13) của khách sạn Sài Gòn Ban Mê:

+ Chi phí sửa chữa lót sàn gỗ công nghiệp 44 phòng ngủ SUPERIOR (tầng 10-> tầng 13): Theo báo giá chào hàng cạnh tranh dự kiến khoảng 673.970.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

+ Nguồn vốn: Xin nợ nhà thầu trả dần theo tình hình kinh doanh của Khách sạn Sài Gòn Ban Mê (Hợp đồng thanh toán theo lộ trình kinh doanh).

+ Phương thức thực hiện: Làm theo hình thức cuốn chiếu từng tầng. Để tiết kiệm chi phí tối đa, kính đề nghị HĐQT cho áp dụng theo hình thức ký Hợp đồng mua sắm trực tiếp với các nhà thầu; theo phương thức chào giá cạnh tranh rút gọn không qua mạng”.

- Phiên họp ngày 30 tháng 11 năm 2024:

“V/v Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao cho Ban điều hành tiếp tục ký Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY; Địa chỉ: Tầng 5, tòa B2, Roman Plaza, P. Tổ Hữu, Đại Mễ, Nam Từ Liêm, Hà Nội”.

- Phiên họp ngày 27 tháng 12 năm 2024:

“V/v Ghi nhận Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm và phương hướng kinh doanh 3 tháng cuối năm 2024 của Công ty”;

“V/v Không thông qua việc miễn giảm phân chia lợi nhuận tối thiểu của tháng 11, tháng 12 năm 2024 và tháng 1 năm 2025 đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH gia đình Việt.com. Nếu bên Hợp đồng hợp tác kinh doanh thanh toán hết công nợ 3 tháng (tháng 8, tháng 9 và tháng 10 năm 2024) khi đó Ban điều hành làm văn bản trình Hội đồng quản trị xem xét việc miễn giảm phân chia lợi nhuận tối thiểu của tháng 11, tháng 12 năm 2024 và tháng 1 năm 2025. Đồng thời, Ban điều hành chủ động liên hệ với Công ty cổ phần Trí Tuệ có nhu cầu Hợp đồng hợp tác kinh doanh diện tích của Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Gia đình Việt.com. Trường hợp Công ty TNHH Gia đình Việt.com không thực hiện đúng Hợp đồng đã ký buộc phải chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn. Hoặc tìm kiếm các đối tác khác có nhu cầu và đảm bảo được các điều kiện để ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty nhằm có nguồn thu ở giai đoạn khó khăn, cũng như làm đẹp cảnh quan tại khu vực Nhà hàng Thắng Lợi – Công viên nước từ việc Hợp đồng hợp tác kinh doanh mang lại”;

“V/v Đề nghị Ban điều hành phối hợp với Anh Tuệ Giám đốc tài chính Tổng Công ty – Trưởng ban kiểm soát của Công ty để xây dựng lại Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để tái đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và tái cơ cấu vốn vay; Xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để trình cho Hội đồng thành viên Tổng Công ty xem xét trước khi trình UBND thành phố Hồ Chí Minh xin chủ trương tăng vốn tại Công ty”;

“V/v Đề nghị Ban điều hành Công ty khi có bản trích lục khu đất tại Khu du lịch Lắc, tiếp tục làm các thủ tục gia hạn sử dụng đất nộp Sở Tài Nguyên & Môi Trường theo đúng quy định hiện hành và khi có kết quả sẽ báo cáo Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát biết”.

- Phiên họp ngày 27 tháng 12 năm 2024:

“V/v Thống nhất việc cử Ông Đặng Trần Hoàn – hiện Phó Giám Đốc kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV, đại diện 25,41% vốn của Tổng Công ty; đồng thời giới thiệu để Hội đồng quản trị bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Đắk Lắk thay Ông Trương Đức Hùng, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH MTV”.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Quốc Tuệ	TBKS	11/11	100%	

2	Bà Nguyễn Thanh Hằng	TV BKS	11/11	100%	
4	Hoàng Vân Thùy	TV BKS	11/11	100%	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên kiểm soát trên các lĩnh vực hoạt động của Công ty, thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2024 và đưa ra những tồn tại cần khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

- Giám sát việc tuân thủ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc công ty. Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên BGD trong kỳ báo cáo là phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng	711.735.000	894.440.376
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	332.372.564
+ Ông Lê Ngọc Luân	279.555.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Sáu	288.000.000	246.739.412
+ Ông Trần Thái Hưng	144.000.000	211.220.000
+ Bà Hoàng Vân Thùy	180.000	104.108.400
- Thu nhập của Ban Kiểm Soát	123.360.000	122.800.000
+ Ông Nguyễn Quốc Tuệ	45.600.000	45.040.000
+ Bà Nguyễn Thanh Hằng	38.880.000	38.880.000
+ Ông Hoàng Vân Thùy	38.880.000	38.880.000
- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	247.200.000	247.200.000
+ Ông Trương Đức Hùng	52.800.000	52.800.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	38.880.000	38.880.000
+ Ông Nguyễn Hữu Phúc	38.880.000	38.880.000
+ Ông Phạm Thành Đô	38.880.000	38.880.000
+ Ông Nguyễn Kim Châu	38.880.000	38.880.000
+ Bà Nguyễn Thị Sáu	38.880.000	38.880.000
Cộng	1.082.295.000	1.264.440.376

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV		
Giao dịch mua bán voucher	4 842 500 000	4.702.500.000
Bà Đỗ Văn Anh		
Vay và nợ thuê tài chính	1.283.124.000	2.715.469.000
Bà Phạm Thanh Hoa		
Vay và nợ thuê tài chính	995.800.000	555.258.000
Bà Ninh Văn Hiền		
Vay và nợ thuê tài chính	-	100.000.000
Bà Hoàng Văn Thùy		
Vay và nợ thuê tài chính	1.700.000.000	3.100.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ		
Lữ hành Saigontourist		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	18.018.600
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	44.057.358

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện theo quy chế về quản trị nội bộ Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về

việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 31.2 “Thông tin hoạt động liên tục” - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 87,955 tỷ đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 95,041 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty phải thanh toán 32,504 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang có các biện pháp cơ cấu nợ để Công ty có thể tiếp tục hoạt động trong tương lai gần, trong đó có kế hoạch tăng vốn để bù đắp các khoản nợ phải trả và bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên (Tổng Công ty) cũng đã có Công văn số 104/CV-HĐTV ngày 21/10/2024 gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh xin ý kiến thực hiện tăng vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak. Bên cạnh đó, trong đề án cơ cấu lại của Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak được đưa vào nhóm tăng giá trị vốn góp để giữ nguyên tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty khi Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak tăng vốn. Ngày 05/02/2025, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak đã hoàn thành báo cáo về phương án tăng vốn và gửi đến Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc tăng vốn sẽ bù đắp nguồn lực tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

2. Báo cáo của Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 từ trang 07 đến trang 37.

2.1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Du lịch Đak Lak theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày

21/02/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000177738 ngày 31/03/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/12/2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Công ty đã đăng ký niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UpCoM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 32/QĐ - SGDHN ngày 19/01/2011 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DLD. Ngày giao dịch chính thức là 08/04/2011.

Vốn điều lệ: 93.074.150.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2024: 93.074.150.000 đồng.

2.2. Trữ sở hoạt động

Trữ sở chính

Địa chỉ : 03 Phan Chu Trinh, P. Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : +84 (262) 3 852 322

Fax : +84 (262) 3 852 115

Email : daklaktourist@daklaktourist.com.vn

Website : www.daklaktourist.com.vn

Mã số thuế : 6000177738

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 05 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc):

- Chi nhánh Khách sạn Sài Gòn – Ban Mê;

Địa chỉ: Số 03 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Khách sạn Cao Nguyên;

Địa chỉ: Số 65 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Khách sạn Thành Công;

Địa chỉ: Số 51 Lý Thường Kiệt, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Khu du lịch Hồ Lắk;

Địa chỉ: Số 30 Âu Cơ, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Nhà hàng Thăng Lợi – Công viên nước;

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Ngành nghề hoạt động

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;

- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh;

2.4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Đức Hùng	Chủ tịch	18/06/2022	-
Ông Nguyễn Kim Châu	Thành viên	18/06/2022	-
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên	18/06/2022	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	18/06/2022	-
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	18/06/2022	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Tuệ	Trưởng ban	18/06/2022	-
Bà Nguyễn Thanh Hằng	Thành viên	18/06/2022	-
Bà Hoàng Vân Thủy	Thành viên	18/06/2022	-

Ban điều hành

Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Ngọc Luân	Tổng Giám đốc	10/04/2024	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	01/07/2018	03/01/2024
Ông Trần Thái Hưng	P. Tổng Giám đốc	21/03/2023	18/06/2024
Bà Nguyễn Thị Sáu	Kế toán trưởng	26/04/2017	-

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Ngọc Luân	Tổng Giám đốc

2.5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 37.

2.6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2.7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

2.8. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

Ban điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Ban Tổng Giám đốc hoặc Ban điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

2.9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính

3.1. Bản cân đối kế toán

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.005.187.335	3.604.661.243
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	932.013.470	421.031.651
Tiền	111		932.013.470	421.031.651
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.229.113.306	2.062.091.767
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.331.224.329	1.194.446.039
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		99.544.240	215.849.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	813.424.737	666.875.888
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(15.080.000)	(15.080.000)
Hàng tồn kho	140	10	733.166.338	871.937.878
Hàng tồn kho	141		733.166.338	871.937.878
Tài sản ngắn hạn khác	150		110.894.221	249.599.947
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	110.894.221	249.599.947
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		112.389.129.519	115.888.626.285
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	20.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	100.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	220		111.464.056.883	115.100.176.568
Tài sản cố định hữu hình	221	12	111.445.356.870	115.059.894.435
- Nguyên giá	222		237.289.534.511	238.625.415.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.844.177.641)	(123.565.521.063)
Tài sản cố định vô hình	227	11	18.700.013	40.282.133
- Nguyên giá	228		288.923.000	288.923.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.222.987)	(248.640.867)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		183.510.000	183.510.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7	183.510.000	183.510.000
Tài sản dài hạn khác	260		641.562.636	584.939.717
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	641.562.636	584.939.717
TỔNG TÀI SẢN	270		116.394.316.854	119.493.287.528

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		109.749.256.910	102.386.359.167
Nợ ngắn hạn	310		99.046.973.733	67.712.575.990
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.137.269.136	3.915.306.722
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	677.524.200	680.904.200
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.445.593.966	4.658.104.967
Phải trả người lao động	314		2.176.896.527	1.930.769.791
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	1.731.481.481	4.578.944.438
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	21.038.973.787	15.830.308.307
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	61.903.596.740	36.182.599.669
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(64.362.104)	(64.362.104)
Nợ dài hạn	330		10.702.283.177	34.673.783.177
Phải trả dài hạn khác	337	18	303.405.000	274.905.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	10.398.878.177	34.398.878.177
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.645.059.944	17.106.928.361
Vốn chủ sở hữu	410	19	6.645.059.944	17.106.928.361
Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.074.150.000	93.074.150.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.074.150.000	93.074.150.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.526.847.724	1.526.847.724
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.955.937.780)	(77.494.069.363)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(77.494.069.363)	(69.017.382.848)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		116.394.316.854	119.493.287.528

3.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Mẫu B02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	46.168.815.771	44.379.518.832
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.168.815.771	44.379.518.832
Giá vốn hàng bán	11	21	38.984.956.129	37.527.705.845
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		7.183.859.642	6.851.812.987
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	226.899.178	321.689.641
Chi phí tài chính	22	23	7.724.835.864	8.478.872.984
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.724.835.864	8.478.872.984
Chi phí bán hàng	25	24	603.443.951	559.956.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.396.339.545	8.375.437.542
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.313.860.540)	(10.240.764.389)
Thu nhập khác	31	25	1.905.417	2.136.512.030
Chi phí khác	32	26	1.149.913.294	372.434.156
Lợi nhuận khác	40		(1.148.007.877)	1.764.077.874
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.124)	(911)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(562)	(911)

2.10. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.109.294.685	5.125.458.253
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.777.522)	(1.716.473)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(222.000.936)	(414.366.154)
Chi phí lãi vay	06		7.724.835.864	8.478.872.984
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.146.483.674	4.711.562.095
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(247.021.539)	1.087.984.263
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10		138.771.540	(49.840.812)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(146.283.753)	4.145.617.855
Giảm chi phí trả trước	12		82.082.807	62.274.251
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.929.922.631)	(8.812.448.994)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.951.286)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.158.812	1.155.148.658
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.473.175.000)	(79.620.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		222.000.936	319.973.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.251.174.064)	240.353.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Du lịch Đắk Lắk theo Quyết định số 302/QĐ-UB ngày 21/02/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 6000177738 ngày 31/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19 tháng 12 năm 2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Công ty có trụ sở và chi nhánh như sau:

- Trụ sở chính: Số 03 Phan Chu Trinh, Phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
- Đơn vị trực thuộc: Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc:
 - Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê: Số 01 - 03 Phan Chu Trinh, Phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Khách sạn Cao Nguyên: Số 65 Phan Chu Trinh, Phường Thành Công (Thắng Lợi cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Khách sạn Thành Công: Số 51 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Tiến (Thống Nhất cũ), Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Du lịch Hồ Lắk: Số 30 Âu Cơ, Thị trấn Liên Sơn, Huyện Lắk, Tỉnh Đắk Lắk;
 - Nhà hàng Thắng Lợi – Công viên nước: Số 11 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13 là 93.074.150.000 đồng, được chia thành 9.307.415 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 19/01/2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 32/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak trên thị trường UpCoM với mã chứng khoán là DLD. Ngày giao dịch chính thức là ngày 08/04/2011.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2024 là 174 người (tại 01/01/2024 là 176 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại - dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Mua bán hàng hóa công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hóa mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh.

+

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh dịch vụ lưu trú khách sạn; dịch vụ nhà hàng, ăn uống. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là các dịch vụ khách sạn lưu trú, nhà hàng ăn uống, tổ chức tour du lịch,... Công ty có rất nhiều đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, du lịch trên cùng địa bàn. Theo đó, giá thị trường của các dịch vụ này biến động sẽ ảnh hưởng đến doanh thu cũng như là số lượng khách hàng, ngoài ra các chính sách chương trình khuyến mãi về giá, chính sách giá và việc thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), và Thông tư 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Vườn cây lâu năm	10
Tài sản cố định vô hình khác	05
Phần mềm quản lý	05

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.9 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là các dịch vụ khách sạn lưu trú, nhà hàng ăn uống, tổ chức tour du lịch,... tại tỉnh Đắk Lắk. Lĩnh vực kinh doanh và địa điểm kinh doanh không phức tạp, do đó Công ty không trình bày các thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực và lĩnh vực kinh doanh.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty được trình bày chi tiết tại các thuyết minh bên dưới.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	494.746.955	86.589.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	411.633.962	330.547.232
Tiền đang chuyển	25.632.553	3.895.000
Cộng	932.013.470	421.031.651

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	110.894.221	249.599.947
- Công cụ, dụng cụ	72.131.523	67.031.563
- Chi phí sửa chữa, kiểm định, bảo trì	38.762.698	167.880.884
- Các khoản khác	-	14.687.500
Dài hạn	641.562.636	584.939.717
- Công cụ, dụng cụ	594.608.231	440.951.275
- Chi phí sửa chữa, bảo trì	46.954.405	143.988.442
Cộng	752.456.857	834.539.664

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Dự	Giá trị	Giá gốc	Dự	Giá trị
	VND	phòng	hợp lý	VND	phòng	hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên	183.510.000	-	183.510.000	183.510.000	-	183.510.000
Cộng	183.510.000	-	183.510.000	183.510.000	-	183.510.000

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên với số tiền 183.510.000 đồng (tương ứng với 18.351 cổ phiếu, mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu), với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 0,46% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch. Trong năm, Công ty đã nhận được cổ tức được chia từ lợi nhuận năm 2023 số tiền 318.885.327 đồng.

Căn cứ theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên đã được kiểm toán, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Tây Nguyên trong năm 2024 có lãi, vì vậy, vốn đầu tư được bảo toàn.

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.331.224.329	(15.080.000)	1.194.446.039	(15.080.000)
- Công ty TNHH MTV Thuộc lá Sài Gòn	-	-	48.280.000	-
- Văn phòng thành uỷ Hồ Chí Minh	103.904.000	-	-	-
- Công nợ, bán buôn hàng hoá Công ty	11.804.000	-	11.804.000	-
- Công ty Phát Thanh Giang	-	-	28.130.000	-
- Các khách hàng khác	1.215.516.329	(15.080.000)	1.106.232.039	(15.080.000)
Cộng	1.331.224.329	(15.080.000)	1.194.446.039	(15.080.000)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 31

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	813.424.737	-	666.875.888	-
- Tạm ứng cho nhân viên	692.881.201	-	527.601.352	-
- Ký cược, ký quỹ	3.700.000	-	3.700.000	-
- Phải thu khác	116.843.536	-	135.574.536	-
+ Bà Nguyễn Thị Phương	60.916.000	-	88.876.000	-
+ Bà Bùi Thị Hải	26.767.736	-	26.767.736	-
+ Phải thu khác	29.159.800	-	19.930.800	-
b) Dài hạn	100.000.000	-	20.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	913.424.737	-	686.875.888	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	444.492.228	-	525.674.702	-
- Công cụ, dụng cụ	113.702.353	-	129.302.353	-
- Hàng hóa	174.971.757	-	216.960.823	-
Cộng	733.166.338	-	871.937.878	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	237.644.000	51.279.000	288.923.000
31/12/2024	237.644.000	51.279.000	288.923.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2024	(197.361.867)	(51.279.000)	(248.640.867)
- Khấu hao trong năm	(21.582.120)	-	(21.582.120)
31/12/2024	(218.943.987)	(51.279.000)	(270.222.987)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	40.282.133	-	40.282.133
31/12/2024	18.700.013	-	18.700.013

Tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 83.279.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 83.279.000 đồng).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cây lâu năm súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
01/01/2024	187.958.241.204	49.215.148.028	200.191.052	1.251.835.214	238.625.415.498
- Mua trong năm	1.473.175.000	-	-	-	1.473.175.000
- Thanh lý, nhượng bán	(1.993.198.796)	(815.857.191)	-	-	(2.809.055.987)
31/12/2024	189.431.416.204	48.399.290.837	200.191.052	1.251.835.214	237.289.534.511
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(73.083.131.575)	(49.030.363.222)	(200.191.052)	(1.251.835.214)	(123.565.521.063)
- Khấu hao trong năm	(5.017.079.167)	(70.633.398)	-	-	(5.087.712.565)
- Thanh lý, nhượng bán	1.993.198.796	815.857.191	-	-	2.809.055.987
31/12/2024	(76.107.011.946)	(48.285.139.429)	(200.191.052)	(1.251.835.214)	(125.844.177.641)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	114.875.109.629	184.784.806	-	-	115.059.894.435
31/12/2024	113.324.404.258	114.151.408	-	-	111.445.356.870

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 58.587.554.543 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 59.363.404.543 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 111.445.356.870 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 115.059.894.435 đồng).

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	9.137.269.136	9.137.269.136	3.915.306.722	3.915.306.722
- Bà Cao Thị Thanh Hương	246.319.149	246.319.149	314.851.000	314.851.000
- Bà Trần Thị Trúc	479.377.631	479.377.631	251.622.810	251.622.810
- Bà Nguyễn Thị Yến	665.448.000	665.448.000	214.690.000	214.690.000
- Công ty Cổ phần Thực phẩm sạch Núi Xanh	946.229.342	946.229.342	730.736.405	730.736.405
- Bà Hoàng Thị Hiền	389.495.550	389.495.550	377.973.050	377.973.050
- Đối tượng khác	6.410.399.464	6.410.399.464	2.025.433.457	2.025.433.457
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	9.137.269.136	9.137.269.136	3.915.306.722	3.915.306.722

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 31

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	677.524.200	677.524.200	680.904.200	680.904.200
- Người mua trả tiền trước không là bên liên quan	677.524.200	677.524.200	680.904.200	680.904.200
+ Bà Nguyễn Thanh Hằng	424.550.000	424.550.000	505.750.000	505.750.000
+ Các đối tượng khác	252.974.200	252.974.200	175.154.200	175.154.200
b) Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	677.524.200	677.524.200	680.904.200	680.904.200

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	670.066.133	2.329.984.514	4.906.174.229	3.246.255.848
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.951.286	2.951.286	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	24.178.779	24.178.779	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.772.287.833	2.662.859.317	2.300.830.561	1.410.259.077
- Các loại thuế khác	3.240.000	150.262.470	148.612.512	1.590.042
Cộng	2.445.593.966	5.170.236.366	7.382.747.367	4.658.104.967

(*) Thuế Giá trị gia tăng đã khấu trừ trong năm 2024 là 1.543.447.606 đồng.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	61.903.596.740	61.903.596.740	28.328.924.000	2.607.926.929	36.182.599.669	36.182.599.669
Vay ngắn hạn không là bên liên	4.404.604.048	4.404.604.048	-	-	4.404.604.048	4.404.604.048
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (1)	4.404.604.048	4.404.604.048	-	-	4.404.604.048	4.404.604.048
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	32.638.414.692	32.638.414.692	24.000.000.000	1.157.926.929	9.796.341.621	9.796.341.621
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	31.222.656.200	31.222.656.200	24.000.000.000	1.022.926.929	8.245.583.129	8.245.583.129
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (3)	1.415.758.492	1.415.758.492	-	135.000.000	1.550.758.492	1.550.758.492
Vay ngắn hạn là bên liên quan	24.860.578.000	24.860.578.000	4.328.924.000	1.450.000.000	21.981.654.000	21.981.654.000
- Bà Đỗ Văn Anh (4)	13.407.501.000	13.407.501.000	1.283.124.000	-	12.124.377.000	12.124.377.000
- Bà Phạm Thanh Hoa (4)	8.853.077.000	8.853.077.000	995.800.000	-	7.857.277.000	7.857.277.000
- Bà Hoàng Văn Thùy (4)	2.600.000.000	2.600.000.000	1.700.000.000	1.100.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Lê Ngọc Luân (4)	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	-	-	150.000.000	150.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	10.398.878.177	10.398.878.177	-	24.000.000.000	34.398.878.177	34.398.878.177
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (2)	10.398.878.177	10.398.878.177	-	24.000.000.000	34.398.878.177	34.398.878.177
Cộng	72.302.474.917	72.302.474.917	28.328.924.000	26.607.926.929	70.581.477.846	70.581.477.846

(1) Hợp đồng tín dụng số 26613/19MN/HĐTD ký với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh có hạn mức 5 tỷ đồng, thời gian 12 tháng với mức lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân theo công bố lãi suất của Ngân hàng. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp: Công trình xây dựng trên đất và tài sản gắn liền với khu đất của khách sạn Thành Công.

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay với kỳ với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 68/09/NH/SGBM/NHNT ngày 12/10/2009, Phụ lục Hợp đồng số 020715/SGBM/PLHĐ ngày 02/07/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ký ngày 29/04/2020. Theo đó, nội dung khoản vay như sau:

- Hạn mức cho vay 90 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng dự án Khách sạn Sài Gòn Ban Mê;
- Thời gian vay 239 tháng;
- Mức lãi suất 10%/năm, lãi suất thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk;
- Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - Quyền sử dụng đất thuê tại Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (thuộc quyền sử dụng của công ty) và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.1 ngày 12/10/2009;
 - Quyền sử dụng đất thuê tại Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (thuộc quyền sử dụng của công ty) và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.2 ngày 12/10/2009.

Ngày 26/12/2024 Tòa án ND TP Buôn Ma Thuột Tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2024/QĐST-KDTM căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 42/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 07 năm 2024 để đưa ra quyết định: Công ty CP Du lịch Đắk Lắk phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tổng số tiền 50.125.959.175 đồng (tính đến 12/12/2024), gồm: dư nợ gốc 41.621.534.377 đồng, dư nợ lãi 8.281.763.036 đồng, lãi phạt 222.661.762 đồng, và nợ lãi phát sinh từ 13/12/2024 theo lãi suất thỏa thuận;

(3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0212/2014/HĐTTDH-DN ngày 28/04/2014 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 0212/2014/HĐTTDH-DN/HUNN 05 ngày 13/07/2015, cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay 16 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bù đắp chi phí xây dựng dự án khách sạn Sài Gòn Ban Mê và/hoặc được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ;
- Thời gian vay 84 tháng;
- Lãi suất 8,05%/năm tại thời điểm ký hợp đồng và thay đổi 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tài sản gắn liền với đất thuê tại Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 925390 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 26/03/2014.

(4) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân Đỗ Văn Anh, Phạm Thanh Hoa, Hoàng Văn Thùy nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động với lãi suất từ 8,9% đến 12,5%/năm.

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.731.481.481	4.578.944.438
- Doanh thu nhận trước từ việc bán Voucher	1.731.481.481	4.578.944.438
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.731.481.481	4.578.944.438

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.038.973.787	15.830.308.307
- Phải trả khác là bên liên quan	2.571.992.010	3.016.103.121
+ Tổng Công ty Du lịch Bến Thành - Phụ cấp HĐQT	77.413.308	77.413.308
+ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.267.857.889	1.711.969.000
+ Phụ cấp HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát - Đối tượng khác	1.226.720.813	1.226.720.813
- Phải trả khác không là bên liên quan	18.466.981.777	12.814.205.186
+ Kinh phí công đoàn	261.069.265	185.863.485
+ Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	983.731.322	878.466.901
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.222.181.190	11.749.874.800
<i>Tiền lãi vay phải trả</i>	<i>13.198.625.856</i>	<i>11.197.472.431</i>
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>4.023.555.334</i>	<i>552.402.369</i>
b) Dài hạn	303.405.000	274.905.000
- Nhận ký quỹ, ký cược là bên liên quan	66.000.000	66.000.000
+ Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	66.000.000	66.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược không là bên liên quan	237.405.000	208.905.000
+ Ông Tô Đức Duy	60.000.000	60.000.000
+ Ông Đỗ Xuân Nam	60.000.000	60.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Phúc	30.000.000	30.000.000
+ Các đối tượng khác	87.405.000	58.905.000
Cộng	21.342.378.787	16.105.213.307

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	47.294.010.000	50,8%	47.294.010.000	50,8%
- Công ty TNHH Quốc tế DP	8.420.000.000	9,0%	8.420.000.000	9,0%
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh	8.000.000.000	8,6%	8.000.000.000	8,6%
- Vốn góp của các cổ đông khác	29.360.140.000	31,5%	29.360.140.000	31,5%
Cộng	93.074.150.000	100%	93.074.150.000	100%

19.2 BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(69.017.382.848)	25.583.614.876
- Lỗ trong năm trước	-	-	(8.476.686.515)	(8.476.686.515)
31/12/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(77.494.069.363)	17.106.928.361
01/01/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(77.494.069.363)	17.106.928.361
- Lỗ trong năm nay	-	-	(10.461.868.417)	(10.461.868.417)
31/12/2023	93.074.150.000	1.526.847.724	(87.955.937.780)	6.645.059.944

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	93.074.150.000	93.074.150.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	93.074.150.000	93.074.150.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

a. CỔ PHIẾU

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.307.415	9.307.415
Số cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu thường	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu thường	9.307.415	9.307.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.800.407.933	2.068.042.058
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.368.407.838	42.311.476.774
- Tham quan, hướng dẫn du lịch	4.796.671.765	3.211.125.836
- Phòng ngủ	14.830.919.347	16.015.897.340
- Hàng ăn, giải khát	18.722.099.281	17.471.607.902
- Phí phục vụ	930.555.573	976.030.114
- Doanh thu dịch vụ khác	5.088.161.872	4.636.815.582
Cộng	46.168.815.771	44.379.518.832

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 31

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng hoá, thành phẩm	1.132.050.063	1.342.931.429
Giá vốn dịch vụ	37.852.906.066	36.184.774.416
- Giá vốn tham quan, hướng dẫn du lịch	2.970.768.045	2.190.248.520
- Giá vốn dịch vụ phòng	12.953.667.875	12.708.843.600
- Giá vốn dịch vụ hàng ăn	20.352.691.474	19.670.906.654
- Giá vốn dịch vụ khác	1.575.778.672	1.614.775.642
Cộng	38.984.956.129	37.527.705.845

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	742.929	1.087.841
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	3.777.522	1.716.473
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	221.258.007	318.885.327
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.120.720	-
Cộng	226.899.178	321.689.641

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	7.724.835.864	8.478.872.984
Cộng	7.724.835.864	8.478.872.984

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	603.443.951	559.956.491
- Chi phí nhân viên	532.827.935	517.787.023
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.132.457	7.511.212
- Chi phí bằng tiền khác	8.483.559	34.658.256
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.396.339.545	8.375.437.542
- Chi phí nhân viên quản lý	4.098.837.403	3.940.039.719
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	58.408.424	39.023.124
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	118.669.248	119.913.517
- Thuế, phí và lệ phí	2.642.185.596	1.727.714.540
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.907.525	262.653.876
- Chi phí bằng tiền khác	1.206.331.349	2.286.092.766
Cộng	8.999.783.496	8.935.394.033

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý TSCĐ	-	94.392.986
- Thu từ bồi thường	-	36.054.499
- Giảm chi phí lãi vay	-	2.000.000.000
- Giảm chi phí lãi vay theo Kiểm toán Nhà nước	-	-
- Thu nhập khác	1.905.417	6.064.545
Cộng	1.905.417	2.136.512.030

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế	640.331.769	196.289.299
- Xử lý công nợ	-	2.938.530
- Chi phí tiền thuê đất	368.926.757	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	26.809.270	23.369.065
- Các khoản chi phí khác	113.845.498	149.837.262
Cộng	1.149.913.294	372.434.156

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.555.766.580	8.045.384.328
- Thù lao HĐQT và BKS không chuyển trách	247.200.000	241.920.000
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	640.331.769	196.289.299
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	6.668.234.811	7.469.041.441
- Các khoản chi phí không hợp lệ khác	-	138.133.588
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	223.319.056	318.363.788
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền năm nay	3.777.522	1.716.473
- Hoàn lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền năm trước	(1.716.473)	(2.238.012)
- Cổ tức lợi nhuận được chia	221.258.007	318.885.327
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(3.129.420.893)	(749.665.975)
Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	(3.129.420.893)	(749.665.975)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh	Số lỗ phát sinh	Thời gian chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển trong năm trước	Số lỗ đã chuyển trong năm nay	Số lỗ còn được chuyển trong năm sau
Năm 2019	-	Năm 2020 đến 2024	-	-	-
Năm 2020	(7.281.595.541)	Năm 2021 đến 2025	-	-	(7.281.595.541)
Năm 2021	(9.506.493.800)	Năm 2022 đến 2026	-	-	(16.788.089.341)
Năm 2022	(2.492.001.546)	Năm 2023 đến 2027	-	-	(19.280.090.887)
Năm 2023	(749.620.975)	Năm 2024 đến 2028	-	-	(20.029.711.862)
Năm 2024	(3.129.420.893)	Năm 2025 đến 2029	-	-	(23.159.132.755)

Chi phí lãi vay phát sinh không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020:

Theo quy định, Công ty được kết chuyển chi phí lãi vay không được trừ trong 05 năm. Cụ thể như sau:

Năm phát sinh	Chi phí lãi vay bị loại theo NĐ132	Thời gian kết chuyển	Điều chỉnh giảm do được giảm lãi vay	Chi phí lãi vay kết chuyển năm	Chi phí lãi vay còn kết chuyển năm sau
Năm 2020	5.640.948.238	Năm 2021 đến 2025	-	-	5.640.948.238
Năm 2021	6.167.255.564	Năm 2022 đến 2026	(1.011.770.643)	-	10.796.433.159
Năm 2022	6.040.832.599	Năm 2023 đến 2027	(2.000.000.000)	-	9.681.780.837
Năm 2023	7.469.041.441	Năm 2024 đến 2028	-	-	18.265.474.600
Năm 2024	6.668.234.811	Năm 2025 đến 2029	-	-	24.933.709.411

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	10.503.296.910	11.714.215.634
- Chi phí nhân công	15.140.290.758	14.904.269.096
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.109.294.685	5.125.458.253
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.734.940.337	4.671.065.443
- Chi phí bằng tiền khác	8.511.113.965	8.702.579.023
Cộng	43.998.936.655	45.117.587.449

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	9.307.415	9.307.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	(1.124)	(911)

(*) Theo quy định, việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu phải loại trừ số trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, tuy nhiên do các quỹ này thường được trích vào năm sau và tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội cổ đông Công ty thông qua vào năm tiếp theo. Vì vậy, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu hàng năm chưa trình bày ảnh hưởng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(10.461.868.417)	(8.476.686.515)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	9.307.415	9.307.415
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP) (*)	9.307.415	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(562)	(911)

(*) Căn cứ theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và công văn số 11/BC-DL gửi Tổng công ty về dự thảo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn Điều lệ.

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 87,955 tỷ đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 95,041 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2025, Công ty phải thanh toán 32,504 tỷ đồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang có các biện pháp cơ cấu nợ để Công ty có thể tiếp tục hoạt động trong tương lai gần, trong đó có kế hoạch tăng vốn để bù đắp các khoản nợ phải trả và bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên (Tổng Công ty) cũng đã có Công văn số 104/CV-HĐTV ngày 21/10/2024 gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh xin ý kiến thực hiện tăng vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak. Bên cạnh đó, trong đề án cơ cấu lại của Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak được đưa vào nhóm tăng giá trị vốn góp để giữ nguyên tỷ lệ nắm giữ của Tổng Công ty khi Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak tăng vốn. Ngày 05/02/2025, Công ty Cổ phần Du lịch Đak Lak đã hoàn thành báo cáo về phương án tăng vốn và gửi đến Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc tăng vốn sẽ bù đắp nguồn lực tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

31.3 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
- Bà Đỗ Văn Anh	Cổ đông
- Bà Nguyễn Thanh Hằng	Cổ đông
- Ông Ninh Văn Hiền	Cổ đông
- Bà Phạm Thanh Hoa	Cổ đông
- Bà Hoàng Văn Thùy	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV		
Giao dịch mua bán voucher	4 842 500 000	4.702.500.000
Bà Đỗ Văn Anh		
Vay và nợ thuê tài chính	1.283.124.000	2.715.469.000
Bà Phạm Thanh Hoa		
Vay và nợ thuê tài chính	995.800.000	555.258.000
Bà Ninh Văn Hiền		
Vay và nợ thuê tài chính	-	100.000.000
Bà Hoàng Văn Thùy		
Vay và nợ thuê tài chính	1.700.000.000	3.100.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ		
Lữ hành Saigontourist		
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	18.018.600
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	44.057.358

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng	711.735.000	894.440.376
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	-	332.372.564
+ Ông Lê Ngọc Luân	279.555.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Sáu	288.000.000	246.739.412
+ Ông Trần Thái Hưng	144.000.000	211.220.000
+ Bà Hoàng Vân Thùy	180.000	104.108.400
- Thu nhập của Ban Kiểm Soát	123.360.000	122.800.000
+ Ông Nguyễn Quốc Tuệ	45.600.000	45.040.000
+ Bà Nguyễn Thanh Hằng	38.880.000	38.880.000
+ Ông Hoàng Vân Thùy	38.880.000	38.880.000
- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	247.200.000	247.200.000
+ Ông Trương Đức Hùng	52.800.000	52.800.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	38.880.000	38.880.000
+ Ông Nguyễn Hữu Phúc	38.880.000	38.880.000
+ Ông Phạm Thành Đồ	38.880.000	38.880.000
+ Ông Nguyễn Kim Châu	38.880.000	38.880.000
+ Bà Nguyễn Thị Sáu	38.880.000	38.880.000
Cộng	1.082.295.000	1.264.440.376

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Doanh thu chưa thực hiện	1.731.481.481	4.578.944.438
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	1.731.481.481	4.578.944.438
Vay ngắn hạn	22.260.578.000	19.981.654.000
Bà Đỗ Văn Anh	13.407.501.000	12.124.377.000
Bà Phạm Thanh Hoa	8.853.077.000	7.857.277.000
Phải trả khác	1.333.857.889	1.777.969.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	1.267.857.889	1.711.969.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	66.000.000	66.000.000

31.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Trên đây là bản Báo cáo thường niên năm 2024 được lập bởi Công ty Cổ phần Du lịch Đắk Lắk.

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 04 năm 2025

CÔNG TY CP DU LỊCH ĐẮK LẮK
CHỦ TỊCH HĐQT



TRƯƠNG ĐỨC HÙNG